

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Năm 2022

CỬ NHÂN NGÀNH VIỆT NAM HỌC

Khoa Việt Nam học

Bản mô tả chương trình được hoàn thành: 01/05/2022

Mã số: 7 31 06 30

NỘI DUNG

PHẦN I: GIỚI THIỆU	5
A. Giới thiệu bản mô tả chương trình đào tạo 2022	5
1. Đơn vị cấp bằng	5
2. Chứng nhận đào tạo nghề nghiệp	5
Bộ giáo dục và đào tạo phê duyệt ngày 18/05/2001, Quyết định số 2986/QĐ – BGD & ĐT	5
3. Tên văn bằng sau tốt nghiệp	5
4. Tên chuyên ngành đào tạo	5
5. Loại hình đào tạo	5
6. Hình thức đào tạo	5
7. Khoa đào tạo	5
8. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo	5
9. Mã số chuyên ngành đào tạo	5
10. Thời gian đào tạo	5
11. Yêu cầu đầu ra về ngoại ngữ	5
12. Ngày hoàn thành bản mô tả chương trình đào tạo	5
13. Đối tượng tuyển sinh	6
14. Điều kiện tốt nghiệp	6
15. Đối sánh chương trình đào tạo	7
16. Sự cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo đại học ngành Việt Nam học qua các phiên bản cải tiến chương trình đào tạo	21
B. Giới thiệu về triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mệnh và chương trình đào tạo của khoa Việt Nam học	23
1. Triết lý giáo dục của nhà trường	23
2. Tầm nhìn của Trường	24
3. Sứ mạng của Khoa	24
4. Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	24
5. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELO)	25
PHẦN II: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	35
A. Cấu trúc chương trình dạy học	35
1. Khung chương trình đào tạo:	36
2. Ma trận các khối kiến thức và chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)	42
B. Sơ đồ tiến trình dạy học	43
C. Mô tả vắn tắt các học phần	45
D. Ma trận đáp ứng giữa học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	74
PHẦN III: CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC	79
A. Các hoạt động dạy và học	79
1. Các hoạt động dạy và học trên lớp	80
2. Hoạt động dạy và học thông qua các hoạt động ngoài chương trình giảng dạy	81
B. Chương trình dạy học được xây dựng phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT	82
C. Hoạt động đánh giá	88
1. Phương pháp đánh giá	89
2. Công cụ đánh giá	91
PHẦN IV: CUỘC SỐNG HỌC VIÊN	95
A. Hoạt động ngoại khóa	95
B. Cơ sở vật chất	96
1. Thư viện	96
2. Phòng thực hành tin học và ngoại ngữ	97
3. Ký túc xá và các dịch vụ tiện ích	98

PHẦN V: SAU TỐT NGHIỆP.....	100
A. Sau tốt nghiệp.....	100
B. Triển vọng nghề nghiệp.....	100
C. Vị trí việc làm và cơ hội việc làm.....	100
PHẦN VI: CÁC ĐỐI TÁC CỦA KHOA.....	101
A. Vai trò của các đối tác.....	101
B. Danh sách các cơ quan, đơn vị hỗ trợ thực tập cho sinh viên Việt Nam học..	101
1. Đối tác hỗ trợ thực tập năm học 2017-2018.....	101
2. Đối tác hỗ trợ thực tập năm học 2018-2019.....	103
3. Đối tác hỗ trợ thực tập năm học 2019-2020.....	104
4. Đối tác hỗ trợ thực tập năm học 2020-2021.....	107
5. Đối tác hỗ trợ thực tập năm học 2021-2022.....	108
PHẦN VII: NHỮNG THÔNG TIN KHÁC.....	112
A. Học phí.....	112
B. Học bổng.....	112
1. Đối tượng được cấp học bổng:.....	112
2. Mức học bổng:.....	113
C. Thông tin liên lạc.....	113
D. Danh sách giảng viên giảng dạy ngành Việt Nam học.....	114
PHẦN VIII: PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CTĐT.....	118

THÔNG TIN VỀ BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản cập nhật 01 tháng 05 năm 2022

Bản mô tả này trình bày bao quát về cấu trúc và nội dung của chương trình, trình độ đầu vào, cũng như kết quả học tập mà sinh viên sẽ đạt trong suốt quá trình học tập. Một số thông tin tham khảo trong bản mô tả chương trình đào tạo được đề cập chi tiết hơn trên trang web: <http://vns.hnue.edu.vn>.

PHẦN I: GIỚI THIỆU**A. Giới thiệu bản mô tả chương trình đào tạo 2022****1. Đơn vị cấp bằng**

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

2. Chứng nhận đào tạo nghề nghiệp

Bộ giáo dục và đào tạo phê duyệt ngày 18/05/2001, Quyết định số 2986/QĐ – BGD & ĐT

3. Tên văn bằng sau tốt nghiệp

Cử nhân Việt Nam học

4. Tên chuyên ngành đào tạo

Việt Nam học

5. Loại hình đào tạo

Toàn thời gian

6. Hình thức đào tạo

Chính quy

7. Khoa đào tạo

Khoa Việt Nam học

8. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

9. Mã số chuyên ngành đào tạo

7 31 06 30

10. Thời gian đào tạo

4 năm

11. Yêu cầu đầu ra về ngoại ngữ

Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

Chi tiết: <http://daotao.hnue.edu.vn/forum/newscontent.aspx?id=260&pg=0>

12. Ngày hoàn thành bản mô tả chương trình đào tạo

01/05/2022

13. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ Giáo Dục & Đào tạo, trường Đại học Sư phạm Hà Nội thông báo tuyển sinh trình độ đại học Việt Nam học các thí sinh phải đáp ứng các điều kiện sau:

* Về văn bằng: Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT năm đăng kí xét tuyển và có hạnh kiểm tất cả 6 học kỳ THPT đạt từ Khá trở lên; riêng PT2 đảm bảo thêm điều kiện học lực cả 3 năm THPT đạt từ Khá trở lên.

* Điều kiện, nguyên tắc xét tuyển: Ngoài đối tượng tuyển thẳng theo quy định tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngành Việt Nam học tuyển sinh các đối tượng theo các phương thức sau

- Phương thức tuyển sinh 1 (PT1): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm tất cả các học kỳ ở bậc THPT đạt loại khá trở lên, gồm 02 tổ hợp: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00); Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (D15)

- Phương thức tuyển sinh 2 (PT2): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2022 có hạnh kiểm cả 6 học kỳ THPT đạt loại Tốt, có học lực cả 3 năm THPT đạt loại Giỏi trở lên và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định dưới đây:

a.1. Thí sinh là học sinh đội tuyển cấp tỉnh/thành phố hoặc đội tuyển của trường THPT chuyên trực thuộc các trường đại học được tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

a.2. Thí sinh là học sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố/trường đại học ở bậc THPT.

a.3. Thí sinh là học sinh trường THPT chuyên hoặc các trường THPT trực thuộc trường ĐHSPT Hà Nội, trường ĐHSPT TP Hồ Chí Minh.

a.4. Thí sinh có các chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế IELTS hoặc TOEFL iBT hoặc TOEIC; DELF hoặc TCF; HSK và HSKK; chứng chỉ Tin học quốc tế MOS

- Phương thức tuyển sinh 3 (PT3): Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 có hạnh kiểm tất cả 6 học kỳ THPT đạt từ Khá trở lên và học lực cả 3 năm THPT đạt từ Khá trở lên. Xét TĐTBCCN lớp 10, 11, 12 của tổ hợp: Văn, Toán, Tiếng Anh.

Chi tiết tham khảo <https://hnue.edu.vn/tuyensinh/p/8988>

14. Điều kiện tốt nghiệp

Đạt được trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Học viên đã tích lũy đủ số tín chỉ trong thời gian qui định ghi trong chương trình đào tạo Cử nhân ngành Việt Nam học và đáp ứng được các điều kiện

tốt nghiệp bậc đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 v/v Ban hành quy chế đào tạo trình độ Đại học.

Chi tiết tham khảo <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-08-2021-TT-BGDĐT-Quy-che-dao-tao-trinh-do-dai-hoc-470013.aspx>

15. Đối sánh chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo bậc đại học ngành Việt Nam học tương thích với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, của Khoa Việt Nam học – Kiểm toán và phù hợp với Luật GDĐH và Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. CDR chương trình đào tạo đáp ứng đầy đủ yêu cầu các bên liên quan, được đối sánh với CDR của CTĐT tại các trường Đại học, các hội nghề nghiệp trong nước và quốc tế. Khoa đã đối sánh với CTĐT đại học ngành Việt Nam học của các trường khác như: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG Hà Nội, Đại học Công nghệ TP Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó Khoa đã đối sánh chuẩn đầu ra của CTĐT với khung năng lực thế kỷ 21, chiến lược phát triển Việt Nam học, vị trí việc làm, chuẩn nghề nghiệp và tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế.

15.1. Sự tương thích của mục tiêu đào tạo bậc đại học ngành Việt Nam học với tầm nhìn, sứ mạng của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và phù hợp với các quy định.

Mục tiêu giáo dục	Sứ mạng của Trường	Tầm nhìn của trường	Luật GD đại học	Khung năng lực trình độ quốc gia
PEO1: có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức rộng và kỹ năng linh hoạt, liên ngành về các lĩnh vực lịch sử, địa lý, ngôn ngữ,	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là trường đại học trọng điểm quốc gia và khu vực, đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ	Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ có những kết quả vượt trội trong NCKH công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất	Mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển	có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về một ngành đào tạo, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật

Mục tiêu giáo dục	Sứ mạng của Trường	Tầm nhìn của trường	Luật GD đại học	Khung năng lực trình độ quốc gia
<p>văn học và văn hoá Việt Nam để có thể tìm hiểu, nghiên cứu về các lĩnh vực như ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, con người... Việt Nam, qua đó góp phần bảo tồn, phát triển di sản văn hóa của dân tộc.</p>	<p>thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao</p>	<p>lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế</p>	<p>kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức;</p>	
<p>PEO2: có những kỹ năng mềm ứng dụng thiết thực trong cuộc sống để hoạt động và công tác hiệu quả trong các lĩnh vực: văn hoá, xã hội, du lịch, báo chí, phát thanh-truyền hình, văn thư-lưu trữ,... và các lĩnh vực khác</p>	<p>Là cơ sở đào tạo giáo viên có chất lượng tốt nhất của cả nước.</p>		<p>Có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo.</p>	<p>có kỹ năng nhận thức liên quan đến phân biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp</p>

Mục tiêu giáo dục	Sứ mạng của Trường	Tầm nhìn của trường	Luật GD đại học	Khung năng lực trình độ quốc gia
có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.				
PEO3: có khả năng phát triển và đổi mới phù hợp với xu thế phát triển của ngành giáo dục và nhu cầu của xã hội trong và ngoài nước	Cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế		Có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân	Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

15.2. Ma trận kết nối giữa chuẩn đầu ra CTĐT với khung năng lực trình độ quốc gia 2016 bậc đại học

Nội dung	Khung trình độ quốc gia 2016 bậc 6	Chuẩn đầu ra của CTĐT																			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Kiến thức	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

Nội dung	Khung trình độ quốc gia 2016 bậc 6	Chuẩn đầu ra của CTĐT																					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	vi của ngành đào tạo.																						
	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	x	x								x							x	x	x	x		
	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.					x	x	x					x										x
	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể				x		x	x	x	x	x	x	x										
	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.							x	x	x	x	x	x										
Kĩ năng	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.						x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện						x			x		x						x	x	x	x	x	

Nội dung	Khung trình độ quốc gia 2016 bậc 6	Chuẩn đầu ra của CTĐT																					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	môi trường không xác định hoặc thay đổi.																						
	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm						x	x	x	x	x	x	x	x	x								
	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	x	x				x	x	x	x	x	x											
	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.																						x
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x							

Nội dung	Khung trình độ quốc gia 2016 bậc 6	Chuẩn đầu ra của CTĐT																					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.			x	x			x	x		x												
	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.														x	x	x	x	x	x	x	x	
	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.						x		x	x					x	x	x		x				

15.3. Ma trận kết nối giữa chuẩn đầu ra CTĐT với năng lực thế kỷ 21

TT	Những năng lực thế kỷ 21	Chuẩn đầu ra của CTĐT																					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Kỹ năng học tập và đổi mới: Học tập để cùng nhau sáng tạo					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x			
2	Tư duy phân biện và giải quyết vấn đề				x	x			X		x												
3	Giao tiếp và hợp tác			x	x			x	X														x
4	Sáng tạo và cải tiến				x	x		x	X														

TT	Những năng lực thế kỷ 21	Chuẩn đầu ra của CTĐT																					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
5	Kỹ năng hiểu biết về kỹ thuật số: Hiểu biết thông tin, Thông thạo các phương tiện, Thích nghi với công nghệ					x	x			X													x
6	Truy cập thông tin hữu hiệu và hiệu quả; Đánh giá thông tin nghiêm túc và thành thạo; Sử dụng thông tin một cách chính xác và sáng tạo	x	x	x	x	x	x			X	x	x											x
7	Áp dụng tốt nhất các tài nguyên truyền thông có sẵn để học tập; tạo ra phương tiện học tập phù hợp					x	x			X							X						x
8	Áp dụng công nghệ hiệu quả: sử dụng công nghệ như công cụ nghiên cứu, tổ chức, đánh giá và truyền đạt thông tin					x	x			X				x		X							x

15.4. Ma trận kết nối giữa chuẩn đầu ra CTĐT với vị trí việc làm

	Vị trí việc làm	Chuẩn đầu ra của CTĐT																						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
I	Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng; giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài																							
1	Phẩm chất chính trị	x									x						x					X		
2	Đạo đức nghề nghiệp		x	x	x	x	X																	
3	Kiến thức, năng lực chuyên môn		x			x	x				x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
4	Năng lực sư phạm					x	X	x									x							
5	Năng lực nghiên cứu khoa học													X								x	x	
6	Năng lực hoạt động thực tiễn, hoạt động chính trị xã hội	x	x					x	x	x	x	X				x								
7	Năng lực phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân					x	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x	
II	Nghiên cứu viên tại các viện văn học, ngôn ngữ, văn hoá, trung tâm nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn Trung ương và địa phương ở Việt Nam và nước ngoài																							
1	Phẩm chất chính trị	x															x					X		
2	Đạo đức nghề nghiệp		x	x	x	x	X																	
3	Kiến thức, năng lực chuyên môn		x			x	x										x	x	x	x	x	x	x	
4	Năng lực nghiên cứu khoa học																X						x	x

	Vị trí việc làm	Chuẩn đầu ra của CTĐT																						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
5	Năng lực hoạt động thực tiễn, hoạt động chính trị xã hội	x	x					x	x	x	x	X				x								
6	Năng lực phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân					x	x	x	x	x	x			x	x	x		x	x	X	x	x	x	x
III	Làm việc ở các cơ quan quản lý giáo dục, sở/ phòng giáo dục và đào tạo																							
1	Phẩm chất chính trị	x									x					x				x				
2	Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển ngành giáo dục.									x	x	x	X	X										
3	Quản lý các hoạt động giáo dục bằng công nghệ và phân tích dữ liệu					x	x				X												X	X
4	Xử lý hiệu quả các hoạt động giáo dục					x	x		x	X	x	X												X
5	Cộng tác và truyền cảm hứng cho các thành viên trong đội nhóm để đạt được các mục tiêu của tổ chức								x	x	x	x	X			x	x		x	x	x			x
6	Có đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ pháp luật.	x	x	x	x	X																		
IV	Cán bộ các sở văn hoá - thông tin - thể thao và du lịch, thư viện, báo chí, đài phát thanh, truyền hình, viện bảo tàng, văn phòng các cơ																							

	Vị trí việc làm	Chuẩn đầu ra của CTĐT																					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	quan, đoàn thể thuộc khối hành chính sự nghiệp ở Việt Nam và nước ngoài																						
1	Phẩm chất chính trị	x								x						x					x		
2	Quản lý các công việc văn hoá - thông tin - thể thao và du lịch, thư viện, báo chí, đài phát thanh, truyền hình, viện bảo tàng, văn phòng				x	x			x	x	x	x	x	x	x	x							
3	Tư vấn và đề xuất chiến lược phát triển													x	x	x	x	x	x	x	x		
4	Thiết lập và phát triển quan hệ với quản lý cấp cao và các đối tác bên ngoài và các bên liên quan					x	x	x	x	x													x
5	Quản lý công nghệ và phân tích dữ liệu				x	x			x							x		x					x
6	Có đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ pháp luật.	x	x	x	x	X																	

15.5. Ma trận kết nối giữa chuẩn đầu ra CTĐT với các trường đại học khác

		Chuẩn đầu ra của CTĐT																					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
I	Chuẩn đầu ra ngành VNH trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG Hà Nội																						
1	Có các kiến thức cơ sở về chính trị, kinh tế, xã hội, nhà nước và pháp luật, kiến thức	x	x	x	x														x	x	x	x	

		Chuẩn đầu ra của CTĐT																					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	<p>cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong khoa học xã hội; các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Hán Nôm, văn học Việt Nam và một số tri thức đại cương về phong cách học, mỹ học, nhân học và báo chí truyền thông; những kiến thức cơ bản của nhóm, kiến thức ngành và bổ trợ</p>																						
2	<p>Có các kỹ năng nghề nghiệp; khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề; khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức; khả năng tư duy theo hệ thống; khả năng thích nghi với bối cảnh xã hội và ngoại cảnh;</p>					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x							
3	<p>Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp</p>				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x								
4	<p>Nắm vững và thực hiện được kỹ năng tự chủ trong các hoạt động chuyên môn; Thực hiện được kỹ năng thích ứng với hoàn cảnh; Nắm và thực hiện được kỹ năng kế hoạch hóa trong các hoạt động chuyên môn.</p>				x	x	x	x	x	x							x	x	x	x			
5	<p>Kỹ năng làm việc theo nhóm: Kỹ năng quản lý và kỹ năng giao tiếp</p>							x	x	x													

		Chuẩn đầu ra của CTĐT																						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
6	Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ																						x	
7	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin																							X
II	Chuẩn đầu ra ngành VNH trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP Hồ Chí Minh																							
1	Biết vận dụng kiến thức liên ngành, kiến thức về lý thuyết văn hóa và các nền văn hóa lớn trong thực tiễn nghiên cứu Việt Nam học, vận dụng những kiến thức cơ bản về chính trị học, pháp luật, xã hội học, tâm lý học trong thực tiễn hoạt động du lịch; vận dụng kiến thức chung về khoa học xã hội và nhân văn, Việt Nam học và khu vực học để nghiên cứu, giải quyết những yêu cầu của cơ quan, đơn vị.	x	x			x	x								x	x	x	x	X					
2	Thiết kế các chương trình về du lịch và giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ.					x	x			x						x	x	x						x
3	Có năng lực giảng dạy cũng như tham gia các hội thảo khoa học chuyên đề về Việt Nam học và giảng dạy tiếng Việt. Vận dụng những kiến thức về du lịch và pháp luật liên quan đến du lịch Việt Nam trong thực tiễn hoạt động du lịch					x	x			x						x	x	x	X	x	x	x	x	x

		Chuẩn đầu ra của CTĐT																					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
4	Có kỹ năng vận động, tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông liên quan đến Việt Nam học.					x	x			x					x	x	x	X	x	x	x	x	
5	Có kỹ năng cá nhân trong nghề nghiệp: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường liên ngành, đa văn hóa.			x	x				x	x	x												x
6	Có kỹ năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý các lĩnh vực hoạt động du lịch.						x	x	x	X													
	Có đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp, có tinh thần phục vụ cộng đồng xã hội.	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	X						
	Có ý thức tự học, tự nghiên cứu những lĩnh vực liên quan đến Việt Nam.					x	x												x	x	x	x	
	Có tinh thần hòa nhập, hòa đồng; không phân biệt về dân tộc, văn hóa; thích ứng với môi trường làm việc đa văn hoá.				x		x	x			x												x
III	Chuẩn đầu ra ngành VNH trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh																						
1	Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội & nhân văn; kiến thức toàn diện, chuyên sâu về lịch sử, văn hóa, chính trị, tư tưởng, dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ,... của Việt Nam															x	x	x	x	x	x	x	x

		Chuẩn đầu ra của CTĐT																											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22						
2	Có kỹ năng tìm hiểu về phong tục tập quán, văn hóa giao tiếp, văn hóa ẩm thực, văn hóa mặc,... của các dân tộc trên mọi miền đất nước Việt Nam		x			x	x											x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3	Có kỹ năng sử dụng Tiếng Việt, kỹ năng dạy tiếng, biên – phiên dịch, được trang bị thêm kiến thức nghiệp vụ du lịch, nghiệp vụ văn phòng, báo chí		x			x	x																					x	x
4	Có kỹ năng kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng thực hành, kỹ năng dạy tiếng, kỹ năng giao tiếp ứng xử trong môi trường làm việc đa dạng					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x												x	x
5	Có đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ pháp luật.	x	x	x	x	x						x	x																

15.6. Ma trận kết nối giữa chuẩn đầu ra CTĐT với Tiêu chuẩn KĐCL

TT	Tiêu chuẩn KĐCL	Chuẩn đầu ra của CTĐT																												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22							
1	Học tập tích hợp hơn, chuyên sâu hơn giáo dục đại học, bao gồm học tập nâng cao và chuyên sâu hơn trong các chủ đề liên quan đến ngành Việt Nam học.					x	x	x		x	x				x	x	x	x	x	x	x	x								
2	Nâng cao hiểu biết về trách nhiệm nghề nghiệp của người	x	x	x	x	x																							x	x

TT	Tiêu chuẩn KĐCL	Chuẩn đầu ra của CTĐT																					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	làm Việt Nam học bao gồm cả các chuẩn mực đạo đức và nghề nghiệp của nghề Việt Nam học.																						
3	Hiểu biết về vai trò chiến lược của Việt Nam học các tổ chức kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội										x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
4	Phát triển nâng cao các kỹ năng tư duy phân tích và phân biện đưa ra quyết định đúng đắn và khả năng phán đoán tốt trong những trường hợp không chắc chắn.					x	x	x	x	x	x	x											
5	Tích hợp kiến thức liên ngành và hiểu biết về ngành Việt Nam học từ nhiều khía cạnh.					x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
6	Cách tiếp cận đóng khung vấn đề và phát triển các giải pháp sáng tạo cho các vấn đề Việt Nam học bằng cách sử dụng công nghệ thích hợp.					x	x			x													x

16. Sự cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo đại học ngành Việt Nam học qua các phiên bản cải tiến chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Việt Nam học được rà soát hàng năm và được cập nhật và cải tiến liên tục 2 năm 1 lần. Các phiên bản của chương trình đào

tạo hiện nay tại Khoa Việt Nam học: 2017, 2020 và 2022

	CTĐT năm 2017	CTĐT năm 2020	CTĐT 2022
Mục tiêu	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về đất nước Việt Nam, con người Việt Nam từ truyền thống đến đương đại. Người học sẽ có tri thức, kỹ năng để nghiên cứu, giảng dạy về chuyên ngành, có thể công tác trong các lĩnh vực văn hóa, du lịch, truyền thông... ở các cơ quan, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước.	Đào tạo cử nhân ngành <i>Việt Nam học</i> cho người Việt Nam và nước ngoài có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt, có kiến thức rộng và kỹ năng linh hoạt, liên ngành về các lĩnh vực lịch sử, địa lý, ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam, đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.	Đào tạo cử nhân ngành <i>Việt Nam học</i> cho người Việt Nam và nước ngoài có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt, có kiến thức rộng và kỹ năng linh hoạt, liên ngành về các lĩnh vực lịch sử, địa lý, ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam, đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.
Chuẩn đầu ra	3, được chia theo kiến thức, kỹ năng và thái độ	22 theo phẩm chất, năng lực chung và năng lực chuyên ngành của người học	22 theo phẩm chất, năng lực chung và năng lực chuyên ngành của người học
Ma trận tích hợp	Không	Có	Có
Số lượng tín chỉ	135	126	126
Cấu trúc	Gồm 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung, khối kiến thức chuyên ngành, kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực	Gồm 3 khối học vấn: Khối học vấn chung, khối học vấn chuyên môn nghiệp vụ, khối học vấn chuyên ngành.	Gồm 3 khối học vấn: Khối học vấn chung, khối học vấn chuyên môn nghiệp vụ, khối học vấn chuyên ngành.

	nghề nghiệp.		
Tỉ lệ học phần bắt buộc/tự chọn	69/12	42/18	42/18
Học phần bổ sung, thay thế	- Các học phần trong kiến thức chung được gộp vào, ví dụ học phần Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin gồm các môn Triết học, kinh tế chính trị,...	- Các học phần trong khối học văn chung như: Triết học, kinh tế chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh... được tách riêng. Khối kiến thức chung có thêm các môn tự chọn như: tiếng việt thực hành, nghệ thuật đại cương, tin học đại cương. - Các học phần được bổ sung như: Tuyên điểm du lịch Việt Nam, Di sản văn hóa Việt Nam,... - Khối học văn chuyên ngành: SV học các học phần hướng đến các lĩnh vực: báo chí truyền thông, du lịch, văn hóa.	- Các học phần trong khối học văn chung như: Triết học, kinh tế chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh... được tách riêng. Khối kiến thức chung có thêm các môn tự chọn như: tiếng việt thực hành, nghệ thuật đại cương, tin học đại cương. - Các học phần được bổ sung như: Tuyên điểm du lịch Việt Nam, Di sản văn hóa Việt Nam,... - Khối học văn chuyên ngành: SV học các học phần hướng đến các lĩnh vực: báo chí truyền thông, du lịch, văn hóa.
Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Tập trung vào các phương pháp đánh giá tự luận	Gồm nhiều phương pháp nhưng vẫn chủ yếu là đánh giá bằng hình thức thi tự luận	Phương pháp đánh giá đa dạng hơn, bao gồm nhiều hình thức, nhiều phương pháp, nhiều công cụ đánh giá

B. Giới thiệu về triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mệnh và chương trình đào tạo của khoa Việt Nam học

1. Triết lý giáo dục của nhà trường

Đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích

cực vì sự phát triển cộng đồng

Chi tiết tham khảo <https://hnue.edu.vn/gioithieu/trietlygiaoduc>

2. Tầm nhìn của Trường

Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế.

Chi tiết tham khảo <https://hnue.edu.vn/gioithieu/sumangvatamnhin>

3. Sứ mạng của Khoa

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Việt Nam học, hoạt động trong các lĩnh vực:

– Làm việc tại các sở văn hoá – thông tin – thể thao và du lịch, thư viện, tòa soạn báo, đài phát thanh, truyền hình, viện bảo tàng, văn phòng các cơ quan, đoàn thể thuộc khối hành chính sự nghiệp ở Việt Nam và nước ngoài.

– Nghiên cứu viên tại các viện văn học, ngôn ngữ, văn hoá, trung tâm nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn trong và ngoài nước.

– Làm việc tại các cơ quan, tổ chức giáo dục, văn hóa, xã hội ở trung ương, địa phương và các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ.

– Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng; giảng dạy ở một số trường phổ thông quốc tế có môn Việt Nam học và giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

– Học thêm các chứng chỉ nghề ngắn hạn để hoạt động trong các ngành gần như: Hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên tại điểm, MC các chương trình, tổ chức sự kiện về văn hoá du lịch,... làm việc tại các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực liên quan ở Việt Nam và nước ngoài.

Chi tiết tham khảo: <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/nganh-dao-tao/p/cu-nhan-viet-nam-hoc-169>

4. Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)

PEO	Nội dung
Mục tiêu của chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực VNH có chất lượng cao:	
PEO1	có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt, có kiến thức rộng và kỹ năng linh hoạt, liên ngành về các lĩnh vực lịch sử, địa lý, ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam để có thể tìm hiểu, nghiên cứu về các lĩnh vực như ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, con người... Việt Nam, qua đó góp phần

	bảo tồn, phát triển di sản văn hóa của dân tộc.
PEO2	có những kỹ năng mềm ứng dụng thiết thực trong cuộc sống để hoạt động và công tác hiệu quả trong các lĩnh vực: văn hoá, xã hội, du lịch, báo chí, phát thanh-truyền hình, văn thư-lưu trữ,... và các lĩnh vực khác có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.
PEO3	có khả năng phát triển và đổi mới phù hợp với xu thế phát triển của ngành giáo dục và nhu cầu của xã hội trong và ngoài nước

Chi tiết tham khảo <http://vns.hnue.edu.vn/Tin-t%E1%BB%A9c/Tuy%E1%BB%83n-sinh/C%E1%BB%AD-nh%C3%A2n/p/10608>

5. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELO)

CTĐT ngành Việt Nam học có 22 chuẩn đầu ra bao gồm các chuẩn về nhận thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học như sau:

Tiêu chuẩn		Tiêu chí	Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện (Chỉ báo)	Mã CDR
Phẩm chất	Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất	Tiêu chí 1: <i>Yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước</i>	- Yêu thiên nhiên; tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường. - Hiểu và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam. - Yêu quê hương, yêu đất nước; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc	CDR 1
		Tiêu chí 2: <i>Yêu nghề và tự hào về nghề Việt Nam học</i>	- Nhận thức được hai giá trị cốt lõi làm nền tảng cho hệ giá trị nghề nghiệp Việt Nam học trong thời đại hiện nay là: có chiến lược xây dựng, quảng bá hình ảnh đất nước; đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học, văn hóa, báo chí - truyền thông và du lịch. - Yêu nghề, tận tâm với nghề. - Tạo dựng được niềm tin và tự hào về nghề	CDR 2

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện (Chỉ báo)	Mã CDR
		<p>ngành về Việt Nam học, văn hóa, báo chí - truyền thông và du lịch.</p>	
	<p>Tiêu chí 3: <i>Trung thực và đáng tin cậy</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức và hành động theo lẽ phải; sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải. - Trung thực trong học tập và trong cuộc sống; đấu tranh với các hành vi gian lận, vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật. - Chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ bạn bè trong học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng. 	<p>CDR 3</p>
	<p>Tiêu chí 4: <i>Trách nhiệm và tận tâm</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội. - Có ý thức tự đánh giá để xây dựng kế hoạch cá nhân. - Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt khó trong học tập. - Tôn trọng, thừa nhận sự khác biệt giữa mọi người về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân. - Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. 	<p>CDR 4</p>
	<p>Tiêu chí 5: <i>Ý thức tự học, tự trau dồi kiến thức kỹ năng nghề nghiệp suốt đời</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự trau dồi kiến thức kỹ năng nghề nghiệp suốt đời đối với người nghiên cứu và thực hành văn hóa. Qua đó, có ý thức trở thành người <i>biết suy nghĩ, phải suy nghĩ và được quyền suy nghĩ</i>. - Coi trọng việc tìm kiếm, lựa chọn những tri thức cần thiết để tự học suốt đời để phục vụ cho cuộc sống và công việc hiện tại và tương lai của chính người học. - Nỗ lực tìm kiếm các phương pháp tự học phù 	<p>CDR 5</p>

Tiêu chuẩn		Tiêu chí	Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện (Chỉ báo)	Mã CDR
			hợp để đạt được mục đích.	
Năng lực	Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung	Tiêu chí 1: <i>Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo dựng được lối sống tự lực; khẳng định và bảo vệ được quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật. - Tự điều chỉnh được xúc cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng. - Điều chỉnh được hiểu biết, thái độ, kỹ năng, kinh nghiệm của cá nhân để thích ứng với các yếu tố mới, hoạt động mới, môi trường sống mới. - Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới cũng như thích ứng được với các mối quan hệ xã hội. - Hình thành và sử dụng được hệ thống kỹ năng (cơ bản và kỹ năng mềm) trong ứng xử với sự đa dạng và thay đổi. 	CDR 6
		Tiêu chí 2: <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hàng ngày và trong hoạt động chuyên môn. - Xác định được mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện và thái độ giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội. - Thực hiện được các yêu cầu trong giao tiếp với đối tác văn hóa, báo chí - truyền thông, du lịch, cán bộ quản lý và đồng nghiệp. - Thực hiện được các yêu cầu, nhiệm vụ hợp tác trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống. - Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong học tập 	CDR 7

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện (Chỉ báo)	Mã CDR
		và hoạt động nghề nghiệp. - Thực hiện được hoạt động nhóm hiệu quả. - Thể hiện được sự tôn trọng những khác biệt, đa dạng của cá nhân và nhóm trong giao tiếp. - Có những hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.	
	Tiêu chí 3: Năng lực lãnh đạo	- Ý thức được sự lãnh đạo là phục vụ xã hội một cách chính đáng và chuyên nghiệp. - Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác. - Xác định được nhu cầu và khả năng của người khác để thu hút, thuyết phục, dẫn dắt và tổ chức trong công việc.	CDR 8
	Tiêu chí 4: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	- Đưa ra được ý tưởng mới. - Xác định được tình huống có vấn đề; phát hiện và làm rõ vấn đề; thu thập, sắp xếp, giải thích và đánh giá được độ tin cậy của thông tin; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác. - Hình thành và triển khai được ý tưởng mới. - Đề xuất, lựa chọn được giải pháp; thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề. - Thiết kế và tổ chức được hoạt động; thực hiện và trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề. - Đánh giá được giải pháp đã thực hiện; phản ánh được giá trị của giải pháp; khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.	CDR 9
	Tiêu chí 5: Năng lực nhận thức về văn hoá - xã hội	- Có hiểu biết cơ bản về nền văn hoá dân tộc và những vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng của đất nước. - Phát triển được văn hoá cá nhân để tạo dựng đời sống tinh thần phong phú và lối sống có văn	CDR 10

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện (Chỉ báo)	Mã CDR
		hoá phù hợp với chuẩn mực xã hội, phù hợp với môi trường công tác hiện nay - Thiết kế và tổ chức được các hoạt động liên quan đến nghiên cứu, giảng dạy về Việt Nam học, văn hóa, báo chí - truyền thông và du lịch để hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động này.	
	Tiêu chí 6: <i>Năng lực phản biện</i>	- Có tư duy độc lập. - Phân tích và đánh giá được thông tin đã có theo cách nhìn khác nhau nhằm làm sáng tỏ và khẳng định được tính chính xác của thông tin. - Lập luận phản bác có cơ sở khoa học đối với kết quả của một quá trình tư duy để xác định lại tính chính xác của kết luận.	CDR 11
Tiêu chuẩn 3: Năng lực nghề nghiệp	Tiêu chí 1: <i>Năng lực nắm bắt nhiệm vụ và chức năng nghề nghiệp</i>	- Xây dựng được kế hoạch làm việc đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ và chức năng nghề nghiệp. - Xây dựng được kế hoạch thực hiện đối với từng nhiệm vụ cụ thể. - Đánh giá kết quả nhiệm vụ đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp. - Xây dựng và quản lí hồ sơ hoạt động nghề. - Phối hợp với các đơn vị, cơ quan hữu quan khác.	CDR 12
	Tiêu chí 2: <i>Năng lực thực hiện các nhiệm vụ của nghề nghiệp</i>	- Thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp đáp ứng các yêu cầu của đơn vị công tác. - Hoàn thành công việc ở mức tốt nhất.	CDR 13
	Tiêu chí 3: <i>Năng lực</i>	- Tìm hiểu một cách đầy đủ, toàn diện về vị trí việc làm trong các lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy về Việt Nam học, văn hóa, báo chí - truyền	CDR 14

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện (Chỉ báo)	Mã CDR
	<i>hoàn thiện sản phẩm nghề</i>	thông và du lịch. - Thực hiện việc hoàn thiện sản phẩm liên quan đến các vị trí việc làm của nghề trong các lĩnh vực văn hóa, báo chí - truyền thông và du lịch.	
	Tiêu chí 4: <i>Năng lực hoạt động xã hội</i>	- Tham gia các hoạt động cộng đồng gắn với việc nghiên cứu, giảng dạy về Việt Nam học, văn hóa, báo chí - truyền thông và du lịch. - Phát huy vai trò của người kết nối văn hóa Việt Nam với văn hóa các nước trên thế giới.	CDR 15
	Tiêu chí 5: <i>Năng lực phát triển nghề nghiệp</i>	- Nhận thức về phát triển nghề nghiệp của bản thân. - Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nghề nghiệp của bản thân. - Tự đánh giá kết quả phát triển nghề nghiệp của bản thân.	CDR 16
Tiêu chuẩn 4: Năng lực ngành Việt Nam học	Tiêu chí 1: <i>Năng lực Việt Nam học</i>	- Vận dụng được các thành tố của năng lực thẩm mỹ, năng lực tư duy và lập luận Việt Nam học. - Vận dụng được các thành tố của năng lực mô hình hoá Việt Nam học. - Vận dụng được năng lực lí thuyết và ngôn ngữ để giải quyết các vấn đề Việt Nam học. - Vận dụng được năng lực giao tiếp Việt Nam học.	CDR 17
	Tiêu chí 2: <i>Năng lực sử dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Việt Nam học để giải thích</i>	- Nhận biết được toàn bộ nội dung Chương trình Việt Nam học một cách chính xác trong chính thể khu vực học và đất nước học. - Giải thích được một cách thấu đáo nội dung trong Chương trình Việt Nam học bằng học vấn văn hoá học, báo chí - truyền thông và du lịch. - Hình thành được cái nhìn sáng rõ từ Việt Nam học hiện đại xuống các mạch nội dung trong	CDR 18

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện (Chỉ báo)	Mã CDR
	<i>được các nội dung dạy học của Chương trình môn Việt Nam học trong Chương trình Giáo dục đại học và Giáo dục phổ thông</i>	<p>chương trình văn hoá, báo chí - truyền thông và du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong Chương trình Việt Nam học thông qua các tham chiếu: + Đáp ứng mục tiêu dạy Việt Nam học trong Nhà trường. + Vị trí trong bức tranh chung của Việt Nam học và xu thế phát triển của Việt Nam học. + Vị trí trong tiến trình hình thành nội dung chương trình văn hoá học, báo chí - truyền thông và du lịch trong lịch sử hình thành hệ thống tri thức Việt Nam học. + Vị trí, vai trò của tri thức Việt Nam học trong mối quan hệ tích hợp và liên môn, cũng như trong bức tranh chung của chương trình giáo dục quốc gia. 	
	Tiêu chí 3: <i>Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học Việt Nam học vào thực tiễn</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được vai trò của Việt Nam học trong thế giới ngày nay, đặc biệt trong kỉ nguyên toàn cầu hoá và 4.0. - Giải thích được nguồn gốc các khái niệm và hiện tượng văn hoá - xã hội trong thực tiễn đời sống. - Vận dụng được tri thức Việt Nam học để giải quyết các vấn đề thực tiễn. - Vận dụng được tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Việt Nam học vào việc hình thành và phát triển năng lực chung và năng lực nghề nghiệp. 	CDR 19
	Tiêu chí 4: <i>Năng lực nghiên cứu</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo dựng được một nền tảng Việt Nam học vững chắc ở mức độ tri thức Việt Nam học bậc đại học. 	CDR 20

Tiêu chuẩn		Tiêu chí	Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện (Chỉ báo)	Mã CDR
		Việt Nam học và khoa học liên ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được nghiên cứu khoa học cơ bản Việt Nam học dưới sự hướng dẫn của giáo viên. - Tạo dựng được một nền tảng tri thức vững chắc về khoa học giáo dục Việt Nam học ở mức độ học vấn Việt Nam học bậc đại học. 	
		Tiêu chí 5: Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ. - Sử dụng được các tài liệu bằng ngoại ngữ nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả học tập. 	CDR 21
		Tiêu chí 6: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng và quản lý được các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông. - Khai thác, tra cứu, sử dụng và quản lý được các nguồn tài nguyên thông tin. - Sử dụng được công nghệ thông tin trong dạy học - giáo dục. 	CDR 22

Chi tiết tham khảo: <http://vns.hnue.edu.vn/Tin-t% E1% BB% A9c/Tuy% E1% BB% 83n-sinh/C% E1% BB% AD-nh% C3% A2n/p/10608>

Ma trận kết nối giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và mục tiêu đào tạo

TT	Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT																					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức	x	x																				

	<p>khỏe tốt, có kiến thức rộng và kỹ năng linh hoạt, liên ngành về các lĩnh vực lịch sử, địa lý, ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam để có thể tìm hiểu, nghiên cứu về các lĩnh vực như ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, con người... Việt Nam, qua đó góp phần bảo tồn, phát triển di sản văn hóa của dân tộc.</p>																						
2	<p>Có những kỹ năng mềm ứng dụng thiết thực trong cuộc sống để hoạt động và công tác hiệu quả trong các lĩnh vực: văn hoá, xã hội, du lịch, báo chí, phát thanh-truyền hình, văn thư-lưu trữ,... và các lĩnh vực khác có liên</p>				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x						x	x	

	quan đến chuyên ngành được đào tạo.																			
3	Có khả năng phát triển và đổi mới phù hợp với xu thế phát triển của ngành giáo dục và nhu cầu của xã hội trong và ngoài nước				x	x	x	x	x	x	x						x			

PHẦN II: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học được xây dựng nhằm mục tiêu cung cấp cho học viên nền tảng vững chắc từ các kiến thức liên ngành, kiến thức chuyên môn đến kiến thức nâng cao liên quan đến lĩnh vực Việt Nam học nói riêng và kinh tế nói chung, có thể kể đến như các kiến thức về Việt Nam học tài chính, Việt Nam học quản trị, kiểm toán, thuế, tài chính doanh nghiệp, quản trị,... Với 2 năm học và 60 tín chỉ, các học phần tự chọn được thiết kế đa dạng và xen kẽ với học phần bắt buộc giúp học viên có nhiều cơ hội lựa chọn nghiên cứu chuyên sâu hơn về Việt Nam học, tài chính, quản trị hoặc nghiên cứu mở rộng sang các lĩnh vực khác có liên quan. Ngoài ra, chương trình cũng trang bị các kỹ năng nhận thức và giao tiếp, kỹ năng chuyên môn cũng như phát huy tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho học viên thông qua đa dạng các hoạt động giảng dạy, học tập, kiểm tra và đánh giá.

Điểm nổi bật của chương trình là khả năng kết nối với doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp để kịp thời nắm bắt những xu hướng và sự phát triển trong ngành và đưa vào cập nhật trong chương trình giảng dạy, qua đó đáp ứng được các yêu cầu ngày càng tăng về chất lượng lao động trong bối cảnh môi trường kinh doanh quốc gia và quốc tế không ngừng biến đổi.

Chương trình dạy học cũng quy tụ đội ngũ giảng viên không chỉ có kiến thức chuyên môn cao mà còn dày dặn kinh nghiệm thực tiễn khi nhiều trong số giảng viên vừa tham gia giảng dạy vừa công tác tại các doanh nghiệp với đa dạng các vai trò như tư vấn Việt Nam học tài chính hay quản lý doanh nghiệp. Đây chính là điều kiện thuận lợi giúp học viên được hỗ trợ về cách thức ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn để đạt hiệu quả cao hơn trong công việc và có sự thăng tiến trong nghề nghiệp.

A. Cấu trúc chương trình dạy học

Chương trình dạy học được chia thành 4 khối học phần, bao gồm khối học vấn chung toàn trường, khối học vấn chung nhóm ngành, khối học vấn chuyên môn nghiệp vụ và khối học vấn chuyên ngành. Trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ như sau:

1. Khung chương trình đào tạo:

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lên lớp			Thực hành		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Khối học vấn chung				35						
Khối học vấn chung toàn trường				25						
Bắt buộc				23						
Tư tưởng				11						
1	Triết học Mác - Lênin	PHIS105	1	3	36	0	9	0	90	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	POLI104	1	2	20	0	10	0	60	PHIS 105
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI106	2	2	20	0	10	0	60	PHIS 105, POLI 104
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI202	2	2	20	0	10	0	60	PHIS 105, POLI 104, POLI 106
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI204	2	2	20	0	10	0	60	PHIS 105, POLI 104, POLI 106
Ngoại ngữ				6/24						
6	Tiếng Anh 1 A1A2/ A2B1	ENGL103 ENGL104	1	3	30	15	0	0	90	
6	Tiếng Pháp 1	FREN104	1	3	30	15	0	0	90	
6	Tiếng Nga 1	RUSS105	1	3	30	15	0	0	90	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lên lớp			Thực hành		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận			
6	Tiếng Trung 1	CHIN105	1	3	32	13	0	0	90	
6	Tiếng Việt B2.1	VNSS121		3	15	10	10	10	90	
7	Tiếng Anh 2 A1A2/ A2B1	ENGL105 ENGL106	2	3	28	17	0	0	90	ENGL105
7	Tiếng Pháp 2	FREN106	2	3	30	15	0	0	90	FREN101
7	Tiếng Nga 2	RUSS106	2	3	30	15	0	0	90	RUSS101
7	Tiếng Trung 2	CHIN106	2	3	35	10	0	0	90	CHIN105
7	Tiếng Việt B2.2	VNSS122		3	15	10	10	10	90	VNSS121
8	Tâm lí giáo dục học	PSYC101	1	4	45	0	15	0	120	
9	Thống kê xã hội học	MATH137	1	2					30	
	Tự chọn			2/6						
10	Tin học đại cương*	COMP103	1	2	9,5	0	19,5	0	60	
11	Tiếng Việt thực hành*	COMM106	1	2	10	0	20	0	60	
12	Nghệ thuật đại cương	COMM107	1	2	15	0	15	0	60	
13	Giáo dục thể chất 1	PHYE150	1	1	2	26	0	0	56	
14	Giáo dục thể chất 2	PHYE151	2	1	2	26	0	0	56	
15	Giáo dục thể chất 3	PHYE25	3	1	2	26	0	0	56	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết	
					Lên lớp			Thực hành			
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
		0									
16	Giáo dục thể chất 4	PHYE251	4	1	2	26	0	0	56		
17	Giáo dục quốc phòng	DEFE105		3	33	9	3		90		
		DEFE106							60		
		DEFE205		2	25	0	5		90		
		DEFE206		3	30	0	15				
Khối học vấn chung nhóm ngành				10							
18	Nhập môn Khoa học xã hội và nhân văn	COMM103	1	2	20	0	10	0	60		
19	Nhân học đại cương	COMM108	2	2	26	0	4	0	60		
20	Xã hội học đại cương	COMM109	2	2	20	0	10	0	60		
21	Cơ sở văn hoá Việt Nam	COMM105	1	2	18	0	12	0	60		
22	Lịch sử văn minh thế giới	COMM110	2	2	22	0	8	0	60		
II	Khối học vấn chuyên môn nghiệp vụ				25						
	Bắt buộc				15/5						
23	Kỹ năng thuyết trình và tạo lập văn bản	VNSS411	7	3	22	8	15	0	90		
24	Thực tập chuyên môn	VNSS495	8	6	5	10	5	70	180		
25	Thực tế Văn hoá và văn học dân gian	VNSS130	2	1	2	2	2	9	30		
26	Thực tế Du lịch	VNSS247	4	2	4	4	4	18	60		

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lên lớp			Thực hành		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận			
27	Thực tế Báo chí - truyền thông	VNSS328	6	3	5	10	5	25	90	
	Tự chọn				10/34/3					
28	Tổ chức lễ hội và sự kiện	VNSS435	5	3	34	5	6	0	90	
29	Văn hoá doanh nghiệp	VNSS412	4	3	31	4	10	0	90	
30	Nghiệp vụ văn hoá	VNSS329	4	4	25	10	25	0	120	
31	Nghiệp vụ báo chí 1	VNSS326	5	3	22	10	13	0	90	
32	Nghiệp vụ báo chí 2	VNSS433	6	3	24	6	15	0	90	
33	Quan hệ công chúng và truyền thông	VNSS331	5	3	25	5	15	0	90	
34	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	VNSS325	6	3	23	7	15	0	90	
35	Quản trị kinh doanh lễ hành	VNSS429	5	3	29	10	6	0	90	
36	Tiếng Việt du lịch	VNSS211	6	3	15	10	20	0	90	
37	Tiếng Việt văn hoá	VNSS212	5	3	30	5	10	0	90	
38	Tiếng Việt thương mại	VNSS213	4	3	25	5	15	0	90	
III	Khối học văn chuyên ngành			66/18						
	Phần bắt buộc			44/14						
39	Nhập môn Việt Nam học	VNSS132	3	2	22	3	5	0	60	
40	Địa lí Việt Nam	VNSS127	3	4	40	5	15	0	120	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lên lớp			Thực hành		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận			
41	Lịch sử Việt Nam	VNSS126	3	3	20	10	15	0	90	
42	Kinh tế Việt Nam	VNSS427	4	2	22	0	8	0	60	
43	Danh nhân Việt Nam	VNSS133	3	3	30	5	10	0	90	
44	Việt ngữ học	VNSS211	4	3	30	5	10	0	90	
45	Ngôn ngữ báo chí	VNSS232	5	4	43	7	10	0	120	
46	Các tộc người ở Việt Nam	VNSS246	4	3	33	2	10	0	90	
47	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam	VNSS330	6	3	40	0	5	0	90	
48	Tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam	VNSS327	2	4	45,5	4,5	10	0	120	
49	Di sản và quản lí di sản Hán Nôm	VNSS214	4	3	23	10	12	0	90	
50	Văn hoá dân gian Việt Nam	VNSS128	3	3	32	3	10	0	90	
51	Tiến trình văn học Việt Nam	VNSS332	6	4	44	6	10	0	120	
52	Di sản văn hóa Việt Nam	VNSS333	7	3	26	9	10	0	90	
Phần tự chọn				22/76/7						
53	Lí thuyết nghiên cứu văn hoá	VNSS311	5	3	37	3	5	0	90	
54	Lí thuyết truyền thông	VNSS318	7	3	33	2	10	0	90	
55	Văn hoá phương Đông	VNSS310	5	3	33	2	10	0	90	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lên lớp			Thực hành		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận			
56	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	VNSS231	4	3	30	10	0	90		
57	Từ Hán Việt: Lí thuyết và thực hành	VNSS210	4	2	24	2	4	0	60	
58	Nhà nước và pháp luật	VNSS334	6	3	29	6	10	0	90	
59	Ngoại giao Việt Nam	VNSS421	7	3	20	10	15	0	90	
60	Các vùng văn hoá Việt Nam	VNSS422	7	3	25	5	15	0	90	
61	Làng nghề Việt Nam	VNSS309	6	3	30	5	10	0	90	
62	Đô thị Việt Nam	VNSS423	7	3	31	4	10	0	90	
63	Trang phục và ẩm thực Việt Nam	VNSS335	6	3	34	5	6	0	90	
64	Lịch sử, văn hoá, con người Hà Nội	VNSS319	6	3	31	4	10	0	90	
65	Tổ chức lãnh thổ du lịch	VNSS220	4	3	25	5	15	0	90	
66	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	VNSS221	5	3	30	5	10	0	90	
67	Tác phẩm báo chí	VNSS336	6	3	22	10	13	0	90	
68	Tâm lí học du lịch	VNSS337	6	3	30	5	10	0	90	
69	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	VNSS248	5	3	30	5	10	0	90	
70	Thưởng thức phim ảnh Việt Nam	VNSS222	4	3	30	5	10	0	90	
71	Phương ngữ Việt Nam	VNSS223	4	3	30	5	10	0	90	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết	
					Lên lớp			Thực hành			
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
72	Tiếng Việt pháp luật	VNSS424	7	3	17,5	7,5	20	0	90		
73	Tiếng Việt hành chính	VNSS338	6	4	37	10	13	0	120		
74	Độc tác phẩm văn học	VNSS339	5	3	35	5	5	0	90		
75	Phương pháp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	VNSS340	6	3	30	5	10	0	90		
	Khoá luận		8	6	Tương đương hai chuyên đề tự chọn						
76	Chuyên đề 1: Biểu tượng văn hoá Việt Nam	VNSS454	8	3	30	5	10	0	90		
77	Chuyên đề 2: Văn hoá và phát triển	VNSS455	8	3	35	5	5	0	90		
78	Chuyên đề 3: Ngữ dụng học tiếng Việt	VNSS456	8	3	33	2	10	0	90		

2. Ma trận các khối kiến thức và chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

TT	Các khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của CTĐT																						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Khối học vấn chung toàn trường	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x											x	x
2	Khối học vấn chung nhóm ngành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x							
3	Khối học vấn chuyên môn nghiệp vụ				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Khối học vấn chuyên ngành						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

B. Sơ đồ tiến trình dạy học

		NĂM THỨ 1	NĂM THỨ 2	NĂM THỨ 3	NĂM THỨ 4			
HỌC KỲ I	Triết học Mác – Lênin	3	Tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam	4	Tổ chức lễ hội và sự kiện*	3	Kĩ năng thuyết trình và tạo lập VB	3
	Kinh tế chính trị	2	Giáo dục thể chất 3	1	Nghiệp vụ báo chí 1*	3	Di sản nghệ thuật Việt Nam	3
	Ngoại ngữ 1	3	Nhập môn Việt Nam học	2	Quan hệ công chúng và truyền thông*	3	Lý thuyết truyền thông*	3
	Tâm lí học giáo dục	4	Địa lý Việt Nam	4	Quản trị kinh doanh lữ hành*	3	Ngoại giao Việt Nam*	3
	Thống kê xã hội học	2	Lịch sử Việt Nam	3	Tiếng Việt văn hóa*	3	Các vùng văn hóa Việt Nam*	3
	Tin học đại cương*	2	Danh nhân Việt Nam	3	Ngôn ngữ báo chí*	3	Đô thị Việt Nam*	3
	Tiếng Việt thực hành*	2	Văn hóa dân gian Việt Nam	3	Lý thuyết nghiên cứu văn hóa*	3	Tiếng Việt pháp luật*	3
	Nghệ thuật đại cương*	2			Văn hóa phương Đông*	3		3
	Giáo dục thể chất 1	1			Tuyển điểm du lịch Việt Nam*	3		
	Nhập môn KH xã hội và nhân văn	2			Truyền thông xã hội và mạng xã hội*	3		
	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			Đọc tác phẩm văn học*	3		
	HỌC KỲ 2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Giáo dục thể chất 4	1	Nghiệp vụ báo chí 2*	3	Khoá luận tốt nghiệp
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	Thực tế Du lịch	2	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*	3	Môn thay thế tốt nghiệp:	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	Văn hóa doanh nghiệp*	3	Tiếng Việt du lịch*	2	<i>Chuyên đề 1: Biểu tượng văn hóa Việt Nam</i>	3
Ngoại ngữ 2		3	Nghiệp vụ văn hóa*	4	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam	3	<i>Chuyên đề 2: Văn hóa và phát triển</i>	3

Giáo dục thể chất 2	1	Tiếng Việt thương mại*	3	Tiến trình văn học Việt Nam	3	<i>Chuyên đề 3: Ngữ dụng học TV</i>	3
Nhân học đại cương	2	Kinh tế Việt Nam	2	Nhà nước và pháp luật*	3	Thực tập chuyên môn	6
Xã hội học đại cương	2	Việt ngữ học	3	Làng nghề Việt Nam*	3		
Lịch sử văn minh thế giới	2	Các tộc người ở Việt Nam	3	Trang phục và ẩm thực Việt Nam*	3		
Thực tế Văn hóa và văn học dân gian	1	Di sản và quản lý di sản Hán Nôm	3	Lịch sử, văn hóa, con người Hà Nội*	3		
		Lịch sử tư tưởng Việt Nam*	3	Tác phẩm báo chí*	3		
		Từ HV: Lý thuyết và thực hành*	3	Tâm lý học du lịch*	3		
		Tổ chức lãnh thổ du lịch*	3	Tiếng Việt hành chính*	3		
		Thương thức phim ảnh Việt Nam*	3	Phương pháp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài*	3		
		Phương ngữ Việt Nam*	3				
		Ngôn ngữ báo chí*	4				

Ghi chú: * Các học phần tự chọn

C. Mô tả vắn tắt các học phần

Các học phần trong chương trình học được phân loại theo khối kiến thức, bao gồm mã học phần, tên học phần, số tín chỉ, điều kiện học phần, học kỳ và mô tả học phần như sau:

TT	Tên học phần	Mã số	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt HP	Đơn vị giảng dạy HP
1	Triết học Mác – Lênin	COM M 403	3	Học phần thuộc kiến thức lý luận chính trị, nghiên cứu những quy luật chung nhất của thế giới, về vị trí và vai trò của con người trong thế giới. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử; từ đó hình thành thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.	
2	Kinh tế chính trị	POLI 104	2	Môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể như sau: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường;	

3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI 221	2	<p>Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p>	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	COM M 405	2	<p>Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của lịch sử và đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kì đổi mới</p>	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI 202	2	<p>Học phần lý luận chính trị thuộc kiến thức khoa học cơ bản, nghiên cứu về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp những kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về những nội dung cơ bản, cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên nâng cao ý thức học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong học tập và cuộc sống.</p>	

6	Tiếng Anh 1 A1A2/ A2B1	ENGL 105	3	Môn học trang bị cho sinh viên năng lực tiếng Anh đáp ứng năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (theo quy định của Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT). Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các chủ đề hàng ngày và trang bị cho sinh viên một số chủ điểm ngữ pháp cơ bản và luyện tập các kỹ năng tiếng Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết).
6	Tiếng Pháp 1	FREN 101	3	Môn học trang bị cho sinh viên năng lực tiếng Pháp đáp ứng năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (theo quy định của Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT). Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Pháp thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các chủ đề hàng ngày và trang bị cho sinh viên một số chủ điểm ngữ pháp cơ bản và luyện tập các kỹ năng tiếng Pháp (Nghe-Nói-Đọc-Viết).
6	Tiếng Nga 1	RUSS 101	3	Môn học trang bị cho sinh viên năng lực tiếng Nga đáp ứng năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (theo quy định của Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT). Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Nga thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các chủ đề hàng ngày và trang bị cho sinh viên một số chủ điểm ngữ pháp cơ bản và luyện tập các kỹ năng tiếng Nga (Nghe-Nói-Đọc-Viết).
6	Tiếng Trung 1	CHIN 105	3	Môn học trang bị cho sinh viên năng lực tiếng Trung đáp ứng năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (theo quy định của Thông

				tur 01/2014/TT-BGDĐT). Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Trung thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các chủ đề hàng ngày và trang bị cho sinh viên một số chủ điểm ngữ pháp cơ bản và luyện tập các kỹ năng tiếng Trung (Nghe-Nói-Đọc-Viết).	
6	Tiếng Việt B2.1	VNSS 121	3	Học phần bao gồm 5 chương được thiết kế theo 5 chủ đề, trang bị cho sinh viên các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt nâng cao và những tri thức về Việt Nam. Đồng thời, giúp sinh viên vận dụng tri thức, kỹ năng để nhận biết, khắc phục những lỗi sai thường gặp trong quá trình tạo lập, tiếp nhận văn bản; sử dụng thành thạo tiếng Việt nâng cao trong học tập, nghiên cứu và giao tiếp xã hội.	
7	Tiếng Anh 2 A1A2/ A2B1	ENGL 106	3	Môn học trang bị cho sinh viên năng lực tiếng Anh đáp ứng năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (theo quy định của Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT). Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các chủ đề hàng ngày và trang bị cho sinh viên một số chủ điểm ngữ pháp cơ bản và luyện tập các kỹ năng tiếng Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết).	
7	Tiếng Pháp 2	FREN 102	3	Môn học trang bị cho sinh viên năng lực tiếng Pháp đáp ứng năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (theo quy định của Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT). Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Pháp thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các chủ đề hàng ngày và	

				trang bị cho sinh viên một số chủ điểm ngữ pháp cơ bản và luyện tập các kỹ năng tiếng Pháp (Nghe-Nói-Đọc-Viết).	
7	Tiếng Nga 2	RUSS 102	3	Môn học trang bị cho sinh viên năng lực tiếng Nga đáp ứng năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (theo quy định của Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT). Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Nga thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các chủ đề hàng ngày và trang bị cho sinh viên một số chủ điểm ngữ pháp cơ bản và luyện tập các kỹ năng tiếng Nga (Nghe-Nói-Đọc-Viết).	
7	Tiếng Trung 2	CHIN 106	3	Môn học trang bị cho sinh viên năng lực tiếng Trung đáp ứng năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (theo quy định của Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT). Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Trung thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các chủ đề hàng ngày và trang bị cho sinh viên một số chủ điểm ngữ pháp cơ bản và luyện tập các kỹ năng tiếng Trung (Nghe-Nói-Đọc-Viết).	
7	Tiếng Việt B2.2	VNSS 122	3	Học phần bao gồm 5 chương được thiết kế theo 5 chủ đề, tiếp tục trang bị và củng cố cho sinh viên các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt nâng cao và những tri thức về Việt Nam (thông qua hệ thống các chủ đề). Đồng thời, giúp sinh viên vận dụng tri thức, kỹ năng để nhận biết, khắc phục những lỗi sai thường gặp trong quá trình tạo lập, tiếp nhận văn bản; sử dụng thành thạo tiếng	

				Việt nâng cao trong học tập, nghiên cứu và giao tiếp xã hội.	
8	Tâm lý học giáo dục	PSYC 101	4	Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về cơ sở tâm lý học của giáo dục nhà trường; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy, hoạt động học và mối quan hệ giữa hai hoạt động đó, trong đó hoạt động học là trọng tâm trong hoạt động cùng nhau giữa thầy và trò; cơ sở tâm lý học của vấn đề giáo dục đạo đức như: đạo đức, hành vi đạo đức, cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức; các con đường giáo dục đạo đức cho cá nhân, vai trò của yếu tố tự giáo dục trong quá trình hình thành những phẩm chất đạo đức cá nhân. Đồng thời nắm được cơ sở tâm lý học của giáo dục gia đình và giáo dục xã hội: vai trò, nội dung và phương pháp giáo dục gia đình; phối hợp việc giáo dục gia đình, nhà trường, xã hội; nguyên nhân và việc khắc phục những hiện tượng lệch chuẩn biểu hiện trong học tập, trong hành vi đạo đức	
9	Thống kê xã hội học	MATH 137	2	Học phần này bao gồm 2 nội dung cơ bản: Nguyên lý thống kê và Thống kê xã hội. Phần Nguyên lý thống kê sẽ cung cấp lý thuyết cơ bản về quá trình nghiên cứu, tổng hợp và phân tích thống kê. Trong đó, trọng tâm là phân tích các đại lượng phản ánh mức độ biến động của hiện tượng kinh tế, các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian và thực hiện xây dựng và phân tích hệ thống chỉ số theo phương pháp liên hoàn. Nội dung của phần Thống kê xã hội là quá trình nghiên cứu, phân tích khái niệm, nội dung và tính toán chỉ tiêu thống kê trong các lĩnh vực chủ yếu, gắn với ngành công tác xã	

				hội như: dân số, mức sống dân cư, lao động, giáo dục, y tế, hôn nhân gia đình...	
10	Tin học đại cương*	COM P 103	2	Tin học đại cương là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về máy tính, mạng máy tính và Internet; các kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm văn phòng, tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet để phục vụ học tập và nghiên cứu; sử dụng thành thạo phần mềm ứng dụng để xây dựng các bài báo cáo và thuyết trình.	
11	Tiếng Việt thực hành*	PHIL 282	2	Tiếng Việt thực hành cung cấp những hiểu biết cơ bản về tiếng Việt, trên cơ sở đó tập trung rèn luyện cho người học hệ thống kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Đó là các kỹ năng về chính tả, kỹ năng dùng từ, đặt câu và đặc biệt là kỹ năng tiếp nhận, tạo lập văn bản. Nhờ các kỹ năng này, người học có thể nâng cao năng lực giao tiếp của mình trong các hoạt động đọc, viết, nghe, nói. Đồng thời người học có thể vận dụng các tri thức trong tài liệu học tập để làm các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, nâng cao hiệu quả giao tiếp hành chính.	
12	Nghệ thuật đại cương	COM M 402	2	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức mang tính khái quát về nghệ thuật đồng thời vận dụng các kiến thức của nghệ thuật học vào việc xem xét, phân tích, đánh giá tác phẩm nghệ thuật, nhìn nhận vấn đề theo hướng đa chiều, khoa học, khách quan. Học phần gồm 3 nội dung chính: nguồn gốc của nghệ thuật, thành tựu cơ bản của nghệ thuật và lý luận chung về sáng tác, tác phẩm, thể loại nghệ thuật.	

13	Giáo dục thể chất 1	PHYE 101	1	Học phần Giáo dục thể chất thuộc kiến thức giáo dục đại cương, giúp sinh viên hiểu biết được cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao và trang bị cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản, luật thi đấu và phương pháp trọng tài của các môn bóng chuyền, bóng đá, cầu lông. Bên cạnh, học phần cũng hỗ trợ sinh viên tích cực tham gia thể thao ngoại khóa nhằm nâng cao sức khỏe và thể chất cho sinh viên.	
14	Giáo dục thể chất 2	PHYE 102	1		
15	Giáo dục thể chất 3	PHYE 201	1		
16	Giáo dục thể chất 4	PHYE 202	1		
18	Nhập môn Khoa học xã hội và nhân văn	PHIL 101	2	Học phần trang bị những tri thức tổng quát về các ngành khoa học xã hội và nhân văn: khái niệm, vai trò, vị trí, đặc điểm, các phạm trù, những vấn đề cơ bản, phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Từ đó, vận dụng để phát hiện, giải quyết những vấn đề khoa học chuyên ngành, những vấn đề của cuộc sống liên quan đến xã hội và con người.	
19	Nhân học đại cương	POLI 303N	2	Học phần gồm 4 chương, trên cơ sở cung cấp những vấn đề cơ bản về ngành nhân học, học phần này giúp sinh viên trong quá trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận phê phán về cuộc sống của chính văn hóa và xã hội mình và các xã hội, nền văn hóa khác trên thế giới, giúp sinh viên có thể áp dụng các tri thức và tiếp cận Nhân học vào nghiên cứu, công việc và cuộc sống.	
20	Xã hội học đại cương	PHIS1 81N	2	Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản, 2 cách tiếp cận đặc trưng của xã hội học (vĩ mô và vi mô) cũng như tìm hiểu về mối quan hệ giữa cá nhân, các nhóm xã hội và các thiết chế xã hội. Nội dung cụ thể chủ	

				<p>yếu tập trung vào: - Cách tiếp cận và các đặc tính của xã hội học, phân biệt xã hội học với các lĩnh vực khoa học khác. - Giới thiệu về quá trình hình thành và phát triển của xã hội học. - Về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học; - Các khái niệm và vấn đề cơ bản như hành động xã hội, vai trò xã hội, địa vị xã hội, vấn đề xã hội hóa, bất bình đẳng, phân tầng xã hội, cấu trúc nhóm và tổ chức xã hội cũng như các loại nhóm và thiết chế xã hội, vấn đề biến đổi xã hội. - Giới thiệu một số chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu xã hội học</p>	
21	Cơ sở văn hóa Việt Nam	PHIL 190	2	<p>Môn học cung cấp hai khối kiến thức cơ bản: phần thứ nhất cung cấp cho sinh viên các tri thức lí luận căn bản về văn hóa và văn hóa học; bao gồm các vấn đề cơ bản như khái niệm, định nghĩa về văn hóa, đặc trưng, chức năng của văn hóa, cấu trúc và loại hình văn hóa... Phần thứ 2 cung cấp các tri thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: diễn trình văn hóa Việt Nam, thành tố cơ bản của văn hóa, các vùng văn hóa Việt Nam, văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay.</p>	
22	Lịch sử văn minh thế giới	HIST 327	2	<p>Môn học Lịch sử văn minh thế giới giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn minh, phân biệt được các khái niệm văn minh với văn hiến, văn vật và văn hóa. Có kiến thức cơ bản về các nền văn minh lớn cổ đại trên thế giới như nền văn minh Ai Cập cổ đại, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp, văn minh Tây Âu thời trung đại và nền văn minh của thế kỷ XX. Nhận biết và đi sâu tìm hiểu về những thành tựu đạt được từ những nền văn minh cổ đại cho đến nền</p>	

				văn minh hiện đại ngày nay về tất cả các mặt như thiên văn học, toán học, tôn giáo, chữ viết, văn học, kiến trúc,... giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan hơn, mở mang kiến thức về lịch sử văn minh của thế giới.	
23	Kỹ năng thuyết trình và tạo lập văn bản	VNSS 411	3	Học phần được thiết kế gồm 2 phần: kỹ năng thuyết trình và kỹ năng tạo lập văn bản, Sau khi học kỹ năng thuyết trình, sinh viên sẽ nắm được các bước chuẩn bị và các yếu tố cần thiết cho một bài thuyết trình; xác định được mục tiêu thuyết trình, có thể vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo để xây dựng bài thuyết trình và rèn luyện kỹ năng thuyết trình hiệu quả. Sau khi học kỹ năng tạo lập văn bản, sinh viên nắm được khái niệm văn bản, các đặc trưng của văn bản nói chung và một số loại văn bản cụ thể, đồng thời được rèn luyện kỹ năng thực hành soạn thảo một số loại văn bản thông dụng như: văn bản hành chính, văn bản khoa học, văn bản nghị luận, văn bản báo chí.	
24	Thực tập chuyên môn	VNSS 495	6	Chương trình thực tập tập trung hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch thực tập phù hợp nơi đến thực tập, viết báo cáo thu hoạch thực tập chuyên môn; Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, xử lý các công việc thực tế, vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để tiến hành công tác một cách hợp lý, bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Trên cơ sở phục vụ yêu cầu công tác tại nơi thực tập như một nhân viên thực thụ, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng và phẩm chất như bảo đảm kỷ luật lao động: nghiêm túc và có trách nhiệm trong công việc; biết làm	

				việc trong tập thể, quan hệ cởi mở, hòa đồng với mọi người tại nơi thực tập; có tinh thần cầu tiến học tập trong công việc và biết giữ gìn, quảng bá thương hiệu và văn hóa HNUE.	
25	Thực tế Văn hóa và văn học dân gian	VNSS 130	1	Học phần tổ chức cho sinh viên đến một địa phương cụ thể, tiếp cận với thực tiễn về văn hoá dân gian và văn hóa đương đại của một địa phương. Trên cơ sở những kiến thức đã được trang bị từ các môn học về lịch sử, văn hoá Việt Nam, sinh viên sẽ vận dụng vào việc lí giải các vấn đề của thực tiễn đời sống về văn hoá của một địa phương cụ thể, từ đó có thể vận dụng vào nghiên cứu các trường hợp khác.	
26	Thực tế Du lịch	VNSS 247	2	Học phần tổ chức cho sinh viên tiếp cận với thực tiễn tổ chức một hoạt động du lịch. Học phần hướng đến mục tiêu sinh viên vận dụng được những kiến thức đã được trang bị từ các học phần về địa lí, lịch sử, văn hoá Việt Nam và du lịch vào các công việc làm hướng dẫn viên, nhân viên bán sản phẩm du lịch hoặc quản trị các hoạt động du lịch.	
27	Thực tế Báo chí – truyền thông	VNSS 328	3	Chương trình Thực tế 3 nhằm đem đến cho người học cơ hội tiếp cận với thực tiễn văn hóa một địa phương, một hiện tượng văn hóa, việc xây dựng và thực hiện một sản phẩm báo chí. Trên cơ sở những kiến thức đã được trang bị từ các môn học về địa lý, lịch sử, văn hóa và báo chí, người học sẽ vận dụng vào việc lí giải các vấn đề của thực tiễn đời sống về địa lý, lịch sử, văn hóa Việt Nam và báo chí. Chương trình thực tế 3 giúp sinh viên nâng cao năng lực sử dụng ngôn	

				ngữ tiếng Việt và hiểu biết về các vấn đề thực tiễn của văn hóa Việt Nam, về báo chí Việt Nam; nâng cao năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc thực tiễn, từ đó thôi thúc việc tìm kiếm tri thức và kỹ năng để hoàn thiện bản thân; bồi dưỡng, nâng cao năng lực làm việc độc lập, khoa học và sáng tạo; phát triển các kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng viết và nói; có quyết định đúng đắn về việc lựa chọn ngành nghề và xác định rõ hơn về mục tiêu đối với nghề nghiệp tương lai của mình.	
28	Tổ chức lễ hội và sự kiện	VNSS 435	3	Học phần bao gồm 4 chương, nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tổ chức lễ hội và sự kiện. Học phần cũng giúp sinh viên trong quá trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận tổ chức lễ hội và sự kiện, giúp sinh viên có thể áp dụng các tri thức và tiếp cận Việt Nam học vào nghiên cứu, công việc và cuộc sống.	
29	Văn hóa doanh nghiệp	VNSS 412	3	Học phần có 4 chương, nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản văn hoá doanh nghiệp doanh nhân Việt Nam. Đồng thời học phần cũng giúp sinh viên trong quá trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận về văn hoá doanh nghiệp doanh nhân Việt Nam, giúp sinh viên có thể áp dụng các tri thức và tiếp cận Việt Nam học vào nghiên cứu, công việc và cuộc sống.	
30	Nghị vụ văn hóa	VNSS 329	4	Học phần gồm 3 chương, gồm một chương lý thuyết về hệ thống khái niệm về văn hoá cơ sở, văn hoá doanh nghiệp, nghị vụ, quản lí, quản lí văn hoá, hai	

				<p>chương về nghiệp vụ nghiên cứu văn hóa và quản lý văn hóa ở cơ sở. Học phần tổ chức cho sinh viên thực hành các phương pháp nghiên cứu, các nghiệp vụ quản lý văn hóa, từ đó củng cố cho sinh viên các kiến thức đã được học về phương pháp và nghiệp vụ và phát triển được các năng lực tự học, năng lực giao tiếp - hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề.</p>	
31	Nghiệp vụ báo chí 1	VNSS 326	3	<p>Học phần bao gồm 4 chương, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, bước đầu về một số thể loại báo chí và cách viết một số thể loại báo chí thông dụng. Đồng thời học phần cũng giúp sinh viên hình thành những kỹ năng cần thiết và khả năng ứng xử một số tình huống báo chí, có kỹ năng tôn trọng tự do báo chí và luôn trung thực trong phát ngôn báo chí.</p>	
32	Nghiệp vụ báo chí 2	VNSS 433	3	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về báo chí và lao động báo chí, giúp sinh viên ôn tập và nâng cao một số vấn đề về các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu của phóng viên; rèn luyện những kỹ năng cơ bản để tạo lập tác phẩm báo chí theo một số thể loại thông dụng</p>	
33	Quan hệ công chúng và truyền thông	VNSS 331	3	<p>Học phần bao gồm 4 chương, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về truyền thông và quan hệ công chúng, định hướng nghề nghiệp liên quan đến PR và Marketing, những công việc liên quan đến cộng đồng. Học phần cũng rèn luyện cho sinh viên thực hành các kỹ năng PR trong các tình huống cụ thể, thiết thực, từ đó giúp sinh viên tự tin</p>	

				trong các mối quan hệ xã hội, có khả năng thuyết trình, xử lý video clip, khả năng ứng biến hoàn cảnh,... Sinh viên sẽ nhận thức được đúng đắn tầm quan trọng của quan hệ cộng đồng trong giải quyết công việc và ứng xử với môi trường xung quanh.	
34	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	VNSS 325	3	Học phần Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch cung cấp các vấn đề cơ bản về hoạt động hướng dẫn du lịch (khái niệm; đặc điểm lao động và các yêu cầu nghề nghiệp của hướng dẫn viên du lịch; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hướng dẫn du lịch, quy trình hướng dẫn du lịch) và nhằm hình thành những kỹ năng cơ bản của hướng dẫn viên du lịch.	
35	Quản trị kinh doanh lễ hành	VNSS 429	3	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh lễ hành, bao gồm các kiến thức tổng quan về quản trị kinh doanh lễ hành; vấn đề về thông tin và ra quyết định trong quản trị kinh doanh lễ hành; quản trị xây dựng, tiêu thụ và đảm bảo chất lượng chương trình du lịch; quản trị nhân lực và tài chính trong doanh nghiệp lễ hành; hiệu quả kinh doanh lễ hành.	
36	Tiếng Việt du lịch	VNSS 211	3	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về tiếng Việt chuyên ngành Du lịch như: các khái niệm, thuật ngữ chuyên ngành du lịch; các kết cấu ngôn ngữ điển hình sử dụng trong phạm vi giao tiếp về du lịch... và những kiến thức về du lịch Việt Nam như: các vùng du lịch, các điểm đến du lịch, các tài nguyên du lịch và các loại hình du lịch của Việt Nam. Từ đó, biết sử dụng các kỹ năng giao tiếp tiếng Việt	

				chuẩn mực, hiệu quả về những vấn đề liên quan đến du lịch ở Việt Nam và vận dụng vào việc phân tích, giải quyết những vấn đề trong học tập và trong công việc	
37	Tiếng Việt văn hóa	VNSS 212	3	Học phần gồm có 3 chương nhằm phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt và văn hóa Việt Nam theo các thành tố văn hóa, bao gồm: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa tổ chức đời sống. Năng lực sử dụng tiếng Việt của sinh viên được hình thành dựa trên các tri thức về văn hóa Việt Nam, từ đó nâng cao hiểu biết về ngôn ngữ - văn hóa dưới tiếp cận liên văn hóa.	
38	Tiếng Việt thương mại	VNSS 213	3	Học phần gồm 5 chủ đề, trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế thương mại, hệ thống từ vựng, ngữ pháp cơ bản và nâng cao thuộc chuyên ngành kinh tế, thương mại. Đồng thời, rèn luyện bốn kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) tiếng Việt thuộc lĩnh vực kinh tế, thương mại, giúp sinh viên có thể vận dụng tri thức, kỹ năng để sử dụng thành thạo tiếng Việt trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, đáp ứng nhu cầu của công việc và cuộc sống.	
39	Nhập môn Việt Nam học	VNSS 132	2	Học phần gồm bốn chương, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ngành Việt Nam học. Học phần này giúp sinh viên trong quá trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận phê phán về cuộc sống của chính văn hoá và xã hội Việt Nam, giúp sinh viên có thể áp dụng các tri thức và tiếp cận Việt Nam học vào nghiên cứu, công việc và cuộc sống.	

40	Địa lý Việt Nam	VNSS 127	4	Học phần bao gồm 5 chương, tập trung phân tích đặc điểm về vị trí địa lý, các hợp phần của tự nhiên Việt Nam, các đặc điểm của dân cư – xã hội Việt Nam và tổ chức lãnh thổ kinh tế Việt Nam. Từ đó nêu khái quát mối quan hệ giữa con người Việt Nam với môi trường, kinh tế và xã hội, đồng thời đặt ra một số vấn đề cấp thiết về bảo vệ thiên nhiên và phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.
41	Lịch sử Việt Nam	VNSS 126	3	Học phần có kết cấu gồm 3 chương. Chương 1 trang bị cho sinh viên hình dung tổng quát, đa chiều về diễn trình lịch sử Việt Nam qua các thời kì lịch sử, từ nguồn gốc cho đến năm 2020. Trên phông nền kiến thức chung ấy, học phần đi sâu vào những vấn đề cơ bản, cốt lõi của lịch sử Việt Nam cổ - trung đại, lịch sử Việt Nam cận – hiện đại ở chương 2 và chương 3. Từ đây, sinh viên vừa nắm biết được những dấu ấn tiêu biểu của lịch sử dân tộc qua từng giai đoạn, vừa có thể đối sánh với các giai đoạn lịch sử trước- sâu để rút ra đặc trưng, bản chất cốt lõi của nó.
42	Kinh tế Việt Nam	VNSS 427	2	Học phần bao gồm 4 chương, tập trung vào phân tích bức tranh chung về kinh tế Việt Nam, đặc điểm tăng trưởng và các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam, mối quan hệ giữa kinh tế với các lĩnh vực khác của đời sống chính trị xã hội ở Việt Nam, những vấn đề cấp thiết trong tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.
43	Danh nhân Việt Nam	VNSS 133	3	Học phần có 5 chương cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản: văn hoá, danh nhân, danh nhân văn hoá,

				<p>danh nhân văn hoá Việt Nam, danh nhân văn hoá thế giới...; những nét cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp những đóng góp tiêu biểu của các danh nhân văn hoá Việt Nam vào sự phát triển nền văn hoá dân tộc trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam và thế giới.</p>	
44	Việt ngữ học	VNSS 211	3	<p>Học phần bao gồm 4 chương, trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về ngôn ngữ và tiếng Việt, bao gồm: các kiến thức về vai trò của ngôn ngữ trong giao tiếp, quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá, nguồn gốc và đặc điểm loại hình của tiếng Việt, các đặc điểm về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách học tiếng Việt.... Từ đó giúp sinh viên trong quá trình học phát triển những kỹ năng cơ bản để giao tiếp tiếng Việt hiệu quả và có thể áp dụng các tri thức về tiếng Việt vào công việc và cuộc sống.</p>	
45	Ngôn ngữ báo chí		3	<p>Học phần bao gồm 4 chương nhằm cung cấp những kiến thức mới về ngôn ngữ báo chí hiện đại: về ngôn ngữ báo chí, xu hướng phát triển của báo chí hiện đại, sự biến đổi của ngôn ngữ báo chí; giúp sinh viên sử dụng tiếng Việt một cách hiệu quả nhất để tạo lập sản phẩm báo chí, lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với nhu cầu của công chúng hiện nay và nhu cầu phát triển của xã hội.</p>	
46	Các tộc người ở Việt Nam	VNSS 246	3	<p>Học phần bao gồm 3 chương, trên cơ sở phân tích các khái niệm liên quan về dân tộc học, văn hóa các tộc người, phân tích các đặc điểm văn hóa của các tộc người theo các khu vực địa lý, trong mối liên hệ giữa điều kiện tự nhiên với sản xuất kinh tế và văn hóa tộc người, từ đó, sinh</p>	

				viên vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống về đa dạng văn hóa, trong nghiên cứu một tộc người cụ thể.	
47	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam	VNSS 330	3	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về gia đình, dòng họ làng xã Việt Nam từ các góc độ cơ sở hình thành, đặc điểm, diện mạo và giá trị... Học phần này giúp sinh viên trong quá trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận phê phán về văn hoá gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam, giúp sinh viên có thể áp dụng các tri thức và tiếp cận Việt Nam học vào nghiên cứu, công việc và cuộc sống.	
48	Tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam	VNSS 327	4	Nắm vững những kiến thức, kỹ năng cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam cũng như vận dụng những kiến thức đã học để ứng xử với các tình huống về tôn giáo tín ngưỡng và phong tục, tập quán phức tạp trong đời sống hiện nay. Sinh viên cũng có thể áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện một nghiên cứu cụ thể về tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam; ứng dụng các kiến thức đã học cho nghề nghiệp trong tương lai. Học phần giúp sinh viên có nhận thức đúng những vấn đề cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam: Nắm vững các kiến thức lí luận chung; các lí thuyết và phương pháp; các kiến thức về cơ sở hình thành và phát triển; các loại hình, đặc điểm về tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục tập quán như: khái niệm, đặc điểm và chức năng,...; Nhận diện một số xu hướng	

				biến đổi của tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam hiện nay.	
49	Di sản và quản lý di sản Hán Nôm	VNSS 214	3	Học phần gồm 6 chương. Chương 1,2,3,5 bao gồm những kiến thức lí thuyết về di sản văn hóa Hán Nôm, đại cương về chữ Hán, chữ Nôm giúp người học nhận thức được các khái niệm cơ bản về Hán Nôm từ góc độ ngữ văn học, nắm được tổng quan về di sản Hán Nôm Việt Nam về trữ lượng, thể loại hiện được bảo tồn trong các thư viện và trong đời sống xã hội cũng như trên di tích; nắm được phương pháp viết chữ Hán, chữ Nôm; nắm được đặc điểm sơ lược của từ vựng và ngữ pháp tiếng Hán cổ đại. Chương 4,6 là các chương thực hành, giúp người học vận dụng lí thuyết để thực hành đọc, dịch và lí giải các văn bản các thể loại văn bản cơ bản của di sản Hán Nôm trên các di tích lịch sử văn hoá và đời sống xã hội.	
50	Văn hóa dân gian Việt Nam	VNSS 128	3	Học phần trang bị những kiến thức tổng quan về văn hoá dân gian Việt Nam: các loại hình, đặc trưng, giá trị, sự vận động, biến đổi của văn hoá dân gian Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay. Học phần giúp sinh viên vận dụng tri thức về văn hoá dân gian Việt Nam trong thực hành nghề nghiệp có liên quan đến nghiên cứu và quản lí văn hoá, quản trị và hướng dẫn du lịch, sản xuất các sản phẩm báo chí – truyền thông, giảng dạy Việt Nam học.	
51	Tiến trình văn học Việt Nam	VNSS 332	4	Học phần cung cấp cho người học đặc điểm, thành tựu của các thời kì văn học viết Việt Nam từ thế kỷ X đến nay trong mối quan hệ chặt chẽ với tình hình lịch	

				sử, xã hội, văn hóa và tư tưởng. Gắn với từng thời kì đó, người học đồng thời hiểu được sự nghiệp văn học, phong cách nghệ thuật của các nhà văn, nhà thơ tiêu biểu, từ đó rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá tác giả văn học.	
52	Di sản văn hóa Việt Nam	VNSS 333	3	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các di sản văn hoá Việt Nam. Sinh viên cũng có thể áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện một nghiên cứu cụ thể về văn hóa Việt Nam; ứng dụng các kiến thức đã học cho nghề nghiệp trong tương lai. Học phần này giúp sinh viên trong quá trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận phê phán về các di sản văn hoá Việt Nam trong dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài, giúp sinh viên có thể áp dụng các tri thức và tiếp cận các phương tiện dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài vào nghiên cứu và công việc dạy học.	
53	Lý thuyết nghiên cứu văn hóa	VNSS 311	3	Học phần gồm bốn chương, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các lí thuyết nghiên cứu văn hoá. Học phần này giúp sinh viên trong quá trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận phê phán các lí thuyết nghiên cứu văn hoá, giúp sinh viên có thể áp dụng các tri thức và các cách tiếp cận văn hoá từ các lí thuyết chính vào nghiên cứu, công việc và cuộc sống.	
54	Lý thuyết truyền thông	VNSS 318	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực truyền thông; giúp sinh viên thực hành được các kĩ năng truyền thông cơ bản như thiết kế thông điệp, lập kế hoạch truyền thông, giám sát, duy trì và đánh giá kế	

				hoạch truyền thông từ đó có thể tạo lập kiến thức nền tảng và nâng cao kỹ năng giao tiếp – truyền thông – vận động xã hội trong hoạt động truyền thông và báo chí.	
55	Văn hóa phương Đông	VNSS 310	3	Học phần gồm 4 chương, gồm nội dung kiến thức về Đông phương học và văn hóa phương Đông, làm cơ sở đi vào những nội dung kiến thức cơ bản về các nền văn hóa tiêu biểu ở phương Đông, bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản. Từ những kiến thức vừa mang tính chung, vừa mang tính đặc trưng của từng nền văn hóa sẽ hình thành tư duy so sánh, đối chiếu đặc trưng của văn hoá Việt Nam với khu vực, góp phần lý giải những vấn đề về cội nguồn của văn hóa Việt Nam.	
56	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	VNSS 231	3	Học phần gồm 6 chương, người học có được những hiểu biết cơ bản về nội dung tư tưởng và giá trị của lịch sử tư tưởng dân tộc qua mỗi thời kỳ phát triển. Cụ thể: hiểu được những tư tưởng cơ bản nhất của người Việt về thế giới quan và nhân sinh quan, nắm được các tư tưởng về đường lối trị nước, các tư tưởng chính trị-xã hội, về đạo làm người, về chuẩn mực đạo đức của con người. Biết khái quát về lịch sử tư tưởng Việt Nam qua các thời kỳ cơ bản. Có kỹ năng nhận thức và đánh giá về những thành tựu và hạn chế trong sự phát triển của lịch sử tư tưởng dân tộc; từng bước nâng cao năng lực tư duy lý luận, biết vận dụng một số tư tưởng cơ bản trong lịch sử vào lý giải những vấn đề chính trị-xã hội, khoa học và đời sống. Có tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, có thái độ khách quan, trân	

				trọng những giá trị truyền thống, tích cực trang bị những tri thức lịch sử văn hóa và có niềm tin vững chắc vào tương lai tươi sáng của đất nước.	
57	Từ Hán Việt: Lý thuyết và thực hành	VNSS 210	3	Học phần gồm 3 chương lí thuyết và 1 chương thực hành. Các chương lí thuyết trình bày những kiến thức căn bản về quá trình giao lưu tiếp xúc ngôn ngữ – văn tự, văn hoá Việt – Hán; đặc điểm về cấu tạo, ngữ nghĩa, phong cách,... từ Hán Việt; phân biệt từ Hán Việt và từ thuần Việt ở các phương diện; vai trò của từ Hán Việt trong tiến trình ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam. Chương thực hành giúp người học có thể vận dụng những tri thức đã học về từ Hán Việt để thực hành phân tích cấu trúc từ vựng Hán Việt, giải nghĩa, phân loại từ Hán Việt và xử lí các vấn đề thực tiễn liên quan đến ngôn ngữ học, vận dụng được tri thức về từ Hán Việt vào việc hình thành và phát triển năng lực chung, năng lực ngôn ngữ cho người học; hợp nhất được tri thức liên ngành vào các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến nghiên cứu văn học, văn hoá, nghệ thuật; biên tập, xuất bản, báo chí, truyền hình, thông tin đại chúng.	
58	Nhà nước và pháp luật	VNSS 334	3	Học phần có cấu trúc 5 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về nhà nước và pháp luật như phạm trù cơ bản của nhà nước và pháp luật, quy luật hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật. Môn học còn trang bị hệ thống các kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật, xã hội, xu hướng phát triển của các hiện tượng, quá trình của đời sống nhà nước và pháp	

				<p>luật. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề pháp luật - xã hội - pháp lý; biết vận dụng các quy luật chung, cơ bản về nhà nước và pháp luật vào đời sống thực tiễn; biết vận dụng kiến thức của các khoa học lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật vào việc nghiên cứu, phân tích, giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn, trong nghiên cứu các môn học khác.</p>	
59	Ngoại giao Việt Nam	VNSS 421	3	<p>Học phần có kết cấu gồm 4 chương. Ở chương 1, chương 2, học phần trang bị cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về ngoại giao và quan hệ quốc tế, tái dựng được bức tranh khái quát của nền ngoại giao Việt Nam qua các thời kì, từ khi xuất hiện nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam (nhà nước Văn Lang) cho đến nay, trên 3 trụ cột chính: ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa. Trên nền bức tranh chung ấy, đến chương 3, chương 4, học phần đi sâu vào những mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với một số nước và các tổ chức khu vực, quốc tế, như: Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, EU, ASEAN,... Từ đây, sinh viên có thể đánh giá được những đặc trưng cơ bản của ngoại giao dân tộc qua từng giai đoạn và đặc biệt, hiểu được vị thế hiện thời của Việt Nam trong quan hệ quốc tế đương đại.</p>	
60	Các vùng văn hóa Việt Nam	VNSS 422	3	<p>Nội dung học phần được cấu trúc trong 4 chương, trình bày các kiến thức liên quan đến khái niệm không gian văn hóa, vùng văn hóa, các yếu tố cấu thành nên vùng văn hóa, tiêu chí phân vùng văn hóa, đặc điểm vùng văn hóa Việt Nam.</p>	

				Trên cơ sở những kiến thức lí thuyết, chương 4 đề cập đến các vùng văn hóa cụ thể giúp người học nhận diện được các đặc trưng văn hóa ở các vùng về đặc điểm tự nhiên và xã hội, xác định được các mối quan hệ giữa các vùng văn hoá trong lãnh thổ quốc gia nhằm mục tiêu phục vụ khoa học và các vấn đề về văn hoá kinh tế.	
61	Làng nghề Việt Nam	VNSS 309	3	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghề và làng nghề; các đặc trưng về nghề và làng nghề ở Việt Nam. Từ đó giúp người học có thể tìm hiểu về xu hướng phát triển làng nghề hiện nay, nghiên cứu một số nghề và làng nghề tiêu biểu ở Việt Nam và xu hướng phát triển du lịch làng nghề tại Việt Nam hiện nay.	
62	Đô thị Việt Nam	VNSS 423	3	Học phần có 5 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về đô thị và đô thị hoá: lí luận chung về đô thị và đô thị hoá, lịch sử đô thị và đô thị hoá trên thế giới, quá trình hình thành và phát triển của các đô thị trong tiến trình lịch sử Việt Nam, các đặc điểm của đô thị Việt Nam trong lịch sử: diện mạo đô thị, kết cấu đô thị, văn hoá đô thị... khái quát những vấn đề đô thị và đô thị hoá ở Việt Nam hiện nay	
63	Trang phục và ẩm thực Việt Nam	VNSS 335	3	Học phần bao gồm 5 chương, nhằm giúp sinh viên có được cái nhìn tổng thể theo lịch đại và đồng đại về văn hoá ẩm thực Việt Nam nói chung và về văn hoá ẩm thực Hà Nội nói riêng. Từ đó dựng lên diện mạo của văn hoá ẩm thực dân gian nói chung, ẩm thực Hà Nội với những nét riêng, tinh tế. Đồng thời học phần	

				cũng định hướng nhận thức đúng những vấn đề cơ bản về trang phục Việt Nam.	
64	Lịch sử, văn hóa, con người Hà Nội	VNSS 319	3	Học phần bao gồm 4 chương, nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử, văn hoá và con người Hà Nội. Học phần cũng giúp sinh viên trong quá trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận về lịch sử, văn hoá và con người Hà Nội, giúp sinh viên có thể áp dụng các tri thức và tiếp cận Việt Nam học vào nghiên cứu, công việc và cuộc sống.	
65	Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam	VNSS 220	3	Học phần có 3 chương với nội dung bao gồm những lí thuyết chung liên quan đến quy hoạch và tổ chức lãnh thổ du lịch; công tác tổ chức lãnh thổ du lịch ở một số quốc gia trên thế giới và vận dụng vào thực tế du lịch Việt Nam; những cơ sở cho việc tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam và hiện trạng tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam hiện nay.	
66	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	VNSS 221	3	Học phần bao gồm 3 chương, nhằm giúp cho sinh viên có kiến thức về những vấn đề chung liên quan đến tuyến điểm du lịch, từ đó vận dụng để nghiên cứu về các tuyến điểm du lịch tại các vùng du lịch của Việt Nam, và xây dựng các tuyến điểm du lịch theo loại hình giao thông ở Việt Nam.	
67	Tác phẩm báo chí	VNSS 336	3	Môn học gồm 7 chương cung cấp cho sinh viên nội dung cơ bản về tác phẩm và thể loại báo chí; yếu tố nội dung, yếu tố hình thức và mối quan hệ giữa chúng trong tác phẩm báo chí; về đặc điểm, điều kiện và quy luật hình thành, phát triển thể loại báo chí; các thể loại báo chí hiện đại cùng những đặc trưng, tiêu chuẩn của chúng. Môn học giúp sinh	

				viên nhận diện được các tác phẩm và thể loại báo chí trên một tờ báo hay chương trình phát thanh, truyền hình. Phân tích, đánh giá, phê bình khách quan, khoa học về các tác phẩm báo chí cụ thể trong đời sống. vận dụng vào việc thực hành, tác nghiệp báo chí hiệu quả cũng như tự nhận thức được sở trường, sở đoản của bản thân để sau này chọn loại hình, thể loại báo chí phù hợp. Đồng thời sinh viên chủ động, tự tin và khoa học trong tiếp nhận và sáng tạo tác phẩm báo chí; cẩn thận và trách nhiệm ở mọi khâu trong quá trình viết/sáng tạo tác phẩm; có lòng yêu nghề và ý thức tôn trọng sản phẩm của đồng nghiệp.	
68	Tâm lý học du lịch	VNSS 337	3	Học phần gồm 5 chương cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản về tâm lý và những yếu tố ảnh hưởng tới tâm lý con người, tâm lý khách du lịch phân chia theo không gian, lứa tuổi, giới tính; một số kỹ năng giao tiếp cần có của nhân viên, cán bộ hoạt động trong lĩnh vực du lịch.	
69	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	VNSS 248	3	Môn học có kết cấu 5 chương cung cấp hệ thống lý luận về truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên mạng xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội, và phát triển các kỹ năng sử dụng mạng xã hội của nhà báo. Nội dung môn học đề cập đến những tác động của truyền thông lên xã hội, tổ chức và cá nhân; xã hội vai trò của các chủ thể tham gia hệ thống truyền thông. Môn học rèn luyện, hình thành cho sinh viên các kỹ năng vận dụng truyền thông xã hội và mạng xã hội trong các lĩnh vực khoa học, phát triển doanh nghiệp, xây	

				dựng thương hiệu, tạo liên kết, tăng tương tác và xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng.	
70	Thưởng thức phim ảnh Việt Nam	VNSS 222	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử điện ảnh Việt Nam, sự phân kì các giai đoạn hình thành, phát triển của điện ảnh Việt gắn với lịch sử đất nước, các thể loại phim khác nhau. Đặc biệt nhận thấy sự khác biệt giữa phim Việt ở các vùng miền khác nhau (miền Nam, miền Bắc). Qua học phần, sinh viên có thể rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nâng cao thông qua thưởng thức phim cho sinh viên nước ngoài. Cụ thể: cung cấp và so sánh từ vựng, khẩu ngữ tiếng Việt được sử dụng trong và ngoài phim, phân biệt được giọng địa phương của nhân vật trong phim, thảo luận và thể hiện cái nhìn đa chiều về bộ phim, rèn kỹ năng viết bình luận, đánh giá, suy nghĩ về bộ phim,...	
71	Phương ngữ Việt Nam	VNSS 223	3	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vùng phương ngữ tiếng Việt ở các phương diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; vận dụng các kiến thức cơ bản trong phương ngữ học để nghiên cứu các vấn đề thực tiễn liên quan đến phương ngữ tiếng Việt, cũng như ứng dụng những tri thức đó trong hướng dẫn du lịch, trong việc giải quyết các vấn đề cấp thiết của cuộc sống.	
72	Tiếng Việt pháp luật	VNSS 424	3	Học phần gồm 9 chủ đề cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp về pháp luật Việt Nam, các lĩnh vực pháp luật về xuất – nhập cảnh, đầu tư nước ngoài ở Việt Nam, xuất – nhập	

				khẩu hàng hóa, lao động và việc làm, luật hành chính và một số lĩnh vực pháp luật khác. Học phần giúp cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; sử dụng thành thạo lượng từ vựng thuộc các chủ đề đã nêu trên; rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng dịch nói và dịch văn bản thông thường về pháp luật.	
73	Tiếng Việt hành chính	VNSS 338	4	Học phần bao gồm 4 chương, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng tổng quan về các thủ tục hành chính cần thiết của Việt Nam, cơ cấu cơ bản của bộ máy hành chính các cơ quan nhà nước. Học phần cũng giúp sinh viên có kỹ năng viết đúng từ, ngữ câu, đoạn hành chính; viết các giấy tờ pháp quy, các thông báo cần thiết, các đơn từ, mẫu quy định,... Đồng thời sinh viên cũng có thể hiểu và ứng dụng giải quyết các vấn đề hành chính của cá nhân và tổ chức liên quan.	
74	Ngôn ngữ báo chí	VNSS 232	4	Học phần bao gồm 4 chương nhằm cung cấp những kiến thức mới về ngôn ngữ báo chí hiện đại: về ngôn ngữ báo chí, xu hướng phát triển của báo chí hiện đại, sự biến đổi của ngôn ngữ báo chí; giúp sinh viên sử dụng tiếng Việt một cách hiệu quả nhất để tạo lập sản phẩm báo chí, lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với nhu cầu của công chúng hiện nay và nhu cầu phát triển của xã hội.	
75	Độc tác phẩm văn học	VNSS 339	3	Học phần gồm bốn chương, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đọc tác phẩm văn học. Học phần giúp sinh viên trong quá trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận phê phán về văn học và cuộc sống của chính văn hoá và xã	

				hội Việt Nam, giúp sinh viên có thể áp dụng các tri thức, giá trị nhân văn và tiếp cận văn học vào nghiên cứu, công việc và cuộc sống.	
76	Phương pháp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	VNSS 340	3	Học phần bao gồm 5 chương, nhằm giúp cho sinh viên nắm được kiến thức về mục đích, nguyên tắc, phương pháp và quy trình dạy học các vấn đề ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt cho người nước ngoài, từ đó vận dụng để thiết kế, giảng dạy các bài học, bài luyện, biên soạn chương trình, đề kiểm tra, đánh giá... cho người nước ngoài học tiếng Việt như một ngoại ngữ.	
77	Chuyên đề 1: Biểu tượng văn hóa Việt Nam	VNSS 454	3	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức vững vàng về biểu tượng văn hoá, văn học; hiểu được cơ chế hình thành biểu tượng văn hoá, văn học và những đặc điểm của nó; phân tích được những biểu tượng tiêu biểu trong văn hoá, văn học dân tộc qua hai hệ thống: biểu tượng tự nhiên và biểu tượng nhân tạo; rèn luyện năng lực cảm thụ, kỹ năng phân tích, lí giải các phương diện của văn hoá, văn học trong những mối quan hệ tương tác. Sinh viên có tinh thần nghiêm túc, khách quan trong xét đoán những vấn đề của văn hoá, thái độ tôn trọng những giá trị truyền thống của văn hoá dân tộc; bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá, quan hệ quốc tế đa dạng và phức tạp hiện nay.	
78	Chuyên đề 2: Văn hóa và phát triển	VNSS 455	3	Học phần gồm 3 chương, tổ chức cho sinh viên nhận biết, phân tích và vận dụng được các vấn đề về lý luận và thực tiễn về văn hóa, phát triển, mối quan hệ	

				giữa văn hóa và phát triển và thực tiễn ở Việt Nam. Từ việc nhận thức được các vấn đề về quan điểm, mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xem văn hóa là nguồn lực, là động lực quan trọng của phát triển, sinh viên sẽ phát triển được năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội, từ đó tích cực, chủ động tìm hiểu văn hoá dân tộc; nhận thức được ưu điểm và hạn chế của văn hoá Việt Nam để đưa văn hoá thực sự là động lực và nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội.	
79	Chuyên đề 3: Ngữ dụng học tiếng Việt	VNSS 456	3	Học phần được thiết kế gồm 4 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ dụng và ngữ dụng học tiếng Việt. Qua đó, sinh viên có thể phát triển kỹ năng tư duy biện luận để phân tích diễn ngôn trong giao tiếp, đồng thời vận dụng những kiến thức của ngữ dụng học nói chung và ngữ dụng học tiếng Việt nói riêng để nâng cao kỹ năng giao tiếp.	

D. Ma trận đáp ứng giữa học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào

tạo

TT	Học phần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Triết học Mac - Lênin	x	x	x	x				x			x	x											
2	Kinh tế chính trị học Mac – Lênin	x	x	x	x				x			x	x											
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x	x	x				x			x	x											
4	Tư tưởng Hồ Chí	x	x	x	x				x			x	x											

	Minh																											
5	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	x	x	x	x				x			x	x															
6	Tiếng Anh 1 A1A2/A2B1	x	x	x	x				x			x	x	x					x	x					x			
6	Tiếng Pháp 1	x	x	x	x							x	x	x					x	x					x			
6	Tiếng Nga 1	x	x	x	x				x			x							x	x					x			
6	Tiếng Trung 1	x	x	x	x							x	x	x					x	x					x			
6	Tiếng Việt B2.1	x	x	x	x														x					x				
7	Tiếng Anh 2 A1A2/A2B1	x	x	x	x							x	x	x					x	x					x			
7	Tiếng Pháp 2	x	x	x	x							x	x	x					x	x					x			
7	Tiếng Nga 2	x	x	x	x				x			x	x					x	x					x				
7	Tiếng Trung 2	x	x	x	x							x	x	x					x	x					x			
7	Tiếng Việt B2.2	x	x	x	x				x				x											x				
8	Tâm lý học giáo dục	x	x	x	x				x			x	x															
9	Thông kê khoa học xã hội	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x											x	x		
10	Tiếng Việt thực hành*	x	x	x	x				x			x	x															
11	Tin học đại cương*								x	x	x	x	x	x											x	x	x	x
12	Nghệ thuật học đại cương*	x	x	x	x																							
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x	x	x	x				x			x																
14	Nhập môn khoa học xã hội và nhân văn	x	x	x	x				x			x																
15	Lịch sử văn minh Thế giới	x	x	x	x				x			x	x	x														
16	Xã hội học đại cương	x	x	x	x				x			x																

17	Nhân học đại cương	x	x	x	x					x	x	x												
18	Kỹ năng thuyết trình và tạo lập VB Tiếng Việt									x					x							x		
19	Thực tập chuyên môn						x			x				x	x							x		
20	Thực tế Văn hóa và văn học dân gian					x			x					x										
21	Thực tế Du lịch						x								x							x		
22	Thực tế Báo chí – truyền thông								x					x			x							
23	Tổ chức lễ hội và sự kiện*					x																x		
24	Văn hóa doanh nghiệp*																						x	
25	Nghiệp vụ văn hóa*									x					x								x	
26	Nghiệp vụ báo chí 1*														x								x	
27	Nghiệp vụ báo chí 2*																						x	
28	Quan hệ công chúng và truyền thông*																						x	
29	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*																						x	
30	Quản trị kinh doanh lễ hành*																							
31	Tiếng Việt du lịch*																							
32	Tiếng Việt văn hóa*																							
33	Tiếng Việt thương mại*																							
34	Nhập môn Việt Nam học																							x

35	Địa lý Việt Nam					x								x					x	
36	Lịch sử Việt Nam						x							x					x	
37	Kinh tế Việt Nam					x								x	x					
38	Danh nhân Việt Nam						x							x						x
39	Việt ngữ học							x						x	x					
40	Ngôn ngữ báo chí*									x	x									x
41	Các tộc người ở Việt Nam						x										x			
42	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam																x			x
43	Tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam																		x	x
44	Di sản và quản lý di sản Hán Nôm																			x
45	Văn hóa dân gian Việt Nam																		x	x
46	Tiến trình văn học Việt Nam																			x
47	Di sản Văn hóa Việt Nam																			x
48	Lý thuyết nghiên cứu văn hóa*																			x
49	Lý thuyết truyền thông*																			x
50	Văn hóa phương Đông*																			x
51	Lịch sử tư tưởng Việt Nam*																			x
52	Từ Hán Việt: Lý thuyết và thực hành*																			x

	tiếng Việt cho người nước ngoài*																				
71	Chuyên đề 1: Biểu tượng văn hóa Việt Nam					x					x			x							x
72	Chuyên đề 2: Văn hóa và phát triển		x												x						x
73	Chuyên đề 3: Ứng dụng học tiếng Việt																				x
74	Khóa luận		x	x		x									x	x					x

PHẦN III: CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. Các hoạt động dạy và học

Các hoạt động dạy và học được thiết kế cho chương trình dạy học ngành Việt Nam học trình độ đại học đều phù hợp với đặc thù nội dung học phần trong tất cả các học phần trong CTĐT nhằm tạo điều kiện cho học viên đạt được chuẩn đầu ra của học phần và của CTĐT. Chương trình dạy học chủ yếu sử dụng các phương pháp dạy và học lấy người học làm trung tâm, dạy cách tự học, tự nghiên cứu.

Mối quan hệ giữa các phương pháp dạy và học với chuẩn đầu ra của CTĐT

I. Mã số phân loại phương pháp giảng dạy:

1. Thuyết trình
2. Thảo luận nhóm
3. Dạy học tình huống
4. Đóng vai
5. Động não
6. Dự án
7. Trò chơi
8. Sơ đồ tư duy
9. Hướng dẫn trực tiếp
10. Dạy học giải quyết vấn đề
11. Video, clip
12. Tranh biện
13. Dạy học trực tuyến
14. Hướng dẫn tự học

II. Mã số phân loại phương pháp học tập:

1. Giải quyết vấn đề
2. Thảo luận nhóm
3. Thuyết trình
4. Thực hành trực tiếp

5. Tự học

	Phương pháp	Chuẩn đầu ra của CTĐT																						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
I	Phương pháp giảng dạy																							
1	Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
2	Thảo luận nhóm	x	x		x		x	x	x	x	X	X	x	X	X	x	X	x	x	x	x	x	x	
3	Dạy học tình huống	x	x	x	x		x	x	x	x	X	X	X	X		X	X	X	x	X	X	X	X	
4	Đóng vai		x				x	x	x	x		X		x		x	X			x		x	X	
5	Động não						x		x	x		X		x			X						x	
6	Dự án	x	x				x		x	x				x	x	X	x	x		x	x	X	x	
7	Trò chơi													x		x	X			x		x	x	
8	Sơ đồ tư duy										x	x		x		x	X				x	x	x	
9	Hướng dẫn trực tiếp													x	X	x	x	x		x			x	
10	Dạy học giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	
11	Video, clip	x	x		x					x	X			X	X	x	X	X		x		X	x	
12	Tranh biện	x		x					x	x	x	x		x		X	X	X		x	x		x	
13	Dạy học trực tuyến														x	x	x	x	x		x		x	x
14	Hướng dẫn tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
II	Phương pháp học tập																							
1	Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
2	Thảo luận nhóm						x		x	x	x	x				x	x	x		x	x	x	x	
3	Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
4	Thực hành trực tiếp														x	x	x	x	x	x		x	x	x
5	Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

1. Các hoạt động dạy và học trên lớp

Đối với các học phần có chuẩn đầu ra ở mức độ vận dụng, giảng viên sử dụng các phương pháp dạy và học như thuyết giảng, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề.

Đối với các học phần có chuẩn đầu ra ở mức độ đánh giá hay sáng tạo, giảng viên thường sử dụng các phương pháp dạy và học qua dự án, tổ chức sinh viên làm việc nhóm, hướng dẫn tự nghiên cứu, viết tiểu luận, thuyết trình.

Các phương pháp dạy và học chính trên lớp:

+ Thuyết trình: theo phương pháp này, học viên được nghe giảng viên hoặc chuyên gia trình bày và giải thích nội dung bài học. Học viên có trách nhiệm lắng nghe và ghi chép phù hợp để tiếp thu những kiến thức mà giảng viên hoặc chuyên gia đã truyền đạt.

+ Thảo luận nhóm: học viên được chia thành các nhóm; mỗi nhóm giao tiếp với nhau thông qua việc nói và nghe về một chủ đề hoặc sự kiện do giảng viên trình bày. Học viên phân tích các khái niệm, ý tưởng và dữ liệu liên quan đến chủ đề hoặc sự kiện, sau đó giảng viên thảo luận với họ. Học viên có thể liên kết và phát triển các ý để hiểu được ý nghĩa của vấn đề.

+ Giải quyết vấn đề: Học viên phải giải quyết các vấn đề đặt ra. Họ làm việc thông qua các chi tiết của một vấn đề để đạt được một giải pháp. Do đó, họ có được kiến thức và kỹ năng mới thông qua việc giải quyết vấn đề.

+ Tự học: Học viên phải tự học và hiểu mọi thứ và học theo kế hoạch của mình. Học viên có cơ hội đưa ra quyết định về các chủ đề học tập, khám phá và nghiên cứu kỹ lưỡng về một vấn đề. Tự học là cách chủ động giúp học viên đạt được mục tiêu đã định. Thông qua phương pháp này, học viên còn hình thành nhiều kỹ năng như quản lý thời gian, tự giám sát, tự nghiên cứu, tự tìm tòi. Thực hiện phương pháp này, giao bài tập về nhà được cung cấp trong bài tập cuối chương được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các khóa học trong chương trình.

+ Dự án: Học viên có thể học độc lập hoặc hợp tác với những người khác. Thông qua các hoạt động này, khả năng của học viên có thể được nâng cao theo tốc độ của riêng họ và sự quan tâm của họ. Phương pháp này giúp học viên nắm được kiến thức hệ thống, kiến thức miền, kiến thức nhận thức. Bên cạnh đó, học viên có trách nhiệm với việc học của mình và đạt được các kỹ năng hợp tác, kỹ năng đàm phán, kỹ năng giao tiếp.

2. Hoạt động dạy và học thông qua các hoạt động ngoài chương trình giảng dạy

Bên cạnh việc học trên lớp, học viên được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như: nghiên cứu khoa học, các hội thảo chuyên ngành, hội thảo khoa học, các câu lạc bộ, các buổi tọa đàm với doanh nghiệp, ... Điều này giúp học viên tự tin khi nghiên cứu độc lập và góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời trong quá trình làm việc hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình

độ.

Mục đích của các hoạt động này là để khuyến khích, động viên và truyền cảm hứng cho học viên, giúp học viên đưa một số sáng tạo vào phương pháp tiếp cận nghiên cứu của họ. Các hoạt động này cũng cung cấp thêm kiến thức, kỹ năng và định hướng thái độ cho học viên.

B. Chương trình dạy học được xây dựng phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT

Tất cả các học phần trong chương trình dạy học ngành Việt Nam học trình độ đại học đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp tới việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Các học phần trong chương trình dạy học xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá và phù hợp với nội dung mỗi khối kiến thức/học phần, đảm bảo hướng tới đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mối liên hệ giữa CDR của CTĐT và phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá, công cụ đánh giá

ELOs	Học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
ELO1: <i>Yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Địa lí Việt Nam - Di sản và quản lí di sản Hán Nôm - Di sản văn hóa VN - Các vùng văn hóa VN - Làng nghề VN - Đô thị VN - Lịch sử, văn hóa, con người HN - Tổ chức lãnh thổ du lịch VN - Tuyến điểm du lịch VN 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án - Dạy học nêu vấn đề - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập tình huống - Trắc nghiệm - Bài tập nhóm - Bài tập lớn - Tự luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Rubric - Đáp án - Rubric - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá
ELO2: <i>Yêu nghề và tự hào về nghề Việt Nam học</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhập môn Việt Nam học - Thực tế văn hóa và văn học dân gian - Thực tế du lịch - Thực tế báo chí – truyền thông - Tổ chức lễ hội và sự kiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập tình huống - Trắc nghiệm - Bài tập nhóm - Bài tập lớn - Tự luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Rubric - Đáp án - Rubric - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá

ELOs	Học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
Trung thực và đáng tin cậy	<ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa doanh nghiệp - Nghiệp vụ văn hóa - Nghiệp vụ báo chí - Quan hệ công chúng và truyền thông - Truyền thông xã hội và mạng xã hội - Nhà nước và pháp luật 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Dạy học trực tuyến - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập, - Thảo luận, seminar - Tự luận - Bài tập nhóm - Bài tập lớn 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Rubric - Rubric
ELO4: Trách nhiệm và tận tâm	<ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa doanh nghiệp - Nghiệp vụ văn hóa - Nghiệp vụ báo chí - Quan hệ công chúng và truyền thông - Truyền thông xã hội và mạng xã hội - Ngoại giao VN 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập tình huống - Trắc nghiệm - Bài tập nhóm - Bài tập lớn - Tự luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Rubric - Đáp án - Rubric - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá
ELO5: Ý thức tự học, tự trau dồi kiến thức kỹ năng nghề nghiệp suốt đời	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh lý hành - Lí thuyết nghiên cứu văn hóa - Lí thuyết truyền thông - Thực tế văn hóa và văn học dân gian - Thực tế du lịch - Thực tế báo chí – truyền thông - Tổ chức lễ hội và sự kiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự luận - Tiểu luận - Bài tập lớn - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Rubric - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá
ELO6: Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu tượng văn hóa Việt Nam - Văn hóa và phát triển - Quan hệ công chúng và truyền thông - Tâm lý học du lịch - Quản trị kinh doanh lý hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Dự án - Thảo luận nhóm - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự luận - Bài tập lớn - Tiểu luận - Vấn đáp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá
ELO7: Năng lực giao tiếp và hợp tác	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng thuyết trình và tạo lập văn bản - Việt ngữ học - Tâm lý học du lịch - Ngữ dụng học tiếng Việt - Phương ngữ VN - Quan hệ công chúng và truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ tư duy - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Dạy học tình huống - Dạy học giải quyết vấn đề - Đóng vai - Video, clip - Tranh biện - Hướng dẫn trực tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập tình huống - Trắc nghiệm - Bài tập nhóm - Bài tập lớn - Tự luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Rubric - Đáp án - Rubric - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá

ELOs	Học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
		<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn tự học 		
<p>ELO8: Năng lực lãnh đạo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh lữ hành - Quan hệ công chúng và truyền thông - Danh nhân Việt Nam - Lịch sử tư tưởng VN - Nhà nước và pháp luật - Ngoại giao Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Dạy học trực tuyến - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự luận - Bài tập nhóm - Bài tập lớn - Tiểu luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá
<p>ELO9: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh lữ hành - Lí thuyết nghiên cứu văn hóa - Lí thuyết truyền thông - Thực tế văn hóa và văn học dân gian - Thực tế du lịch - Thực tế báo chí – truyền thông - Tổ chức lễ hội và sự kiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Thảo luận nhóm - Video, clip - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự luận - Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video. - Tiểu luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá
<p>ELO10: Năng lực nhận thức về văn hoá - xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhập môn KHXH và nhân văn - Nhân học đại cương - Xã hội học đại cương - Cơ sở văn hóa VN - Lịch sử văn minh thế giới - Văn hóa phương Đông - Lịch sử VN - Kinh tế VN - Danh nhân VN - Tác phẩm báo chí 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm, - Bài tập nhóm - Bài tập lớn - Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Đáp án - Rubric - Phiếu đánh giá

ELOs	Học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
ELO11: <i>Năng lực phản biện</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng thuyết trình và tạo lập văn bản - Quản trị kinh doanh lữ hành - Ngôn ngữ báo chí - Lịch sử tư tưởng VN - Quan hệ công chúng và truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ tư duy - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Dạy học tình huống - Dạy học giải quyết vấn đề - Đóng vai - Video, clip - Tranh biện - Hướng dẫn trực tiếp - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập tình huống - Bài tập nhóm - Bài tập lớn - Tự luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Rubric - Đáp án - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá
ELO12: <i>Năng lực nắm bắt nhiệm vụ và chức năng nghề nghiệp</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh lữ hành - Lí thuyết nghiên cứu văn hóa - Lí thuyết truyền thông - Thực tế văn hóa và văn học dân gian - Thực tế du lịch - Thực tế báo chí – truyền thông - Tổ chức lễ hội và sự kiện - Nghiệp vụ văn hóa - Nghiệp vụ báo chí 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Thảo luận nhóm - Video, clip - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự luận - Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video. - Tiểu luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá
ELO13: <i>Năng lực thực hiện các nhiệm vụ của nghề nghiệp</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh lữ hành - Thực tế văn hóa và văn học dân gian - Thực tế du lịch - Thực tế báo chí – truyền thông - Tổ chức lễ hội và sự kiện - Nghiệp vụ văn hóa - Nghiệp vụ báo chí 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Thảo luận nhóm - Video, clip - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự luận - Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video. - Tiểu luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá
ELO14: <i>Năng lực hoàn thiện sản phẩm nghề</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh lữ hành - Thực tế văn hóa và văn học dân gian - Thực tế du lịch - Thực tế báo chí – truyền thông - Tổ chức lễ hội và sự kiện - Nghiệp vụ văn hóa - Nghiệp vụ báo chí - Phương pháp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Thảo luận nhóm - Video, clip - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự luận - Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video. - Vấn đáp - Tiểu luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá - Rubric

ELOs	Học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
ELO15: Năng lực hoạt động xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh lữ hành - Quan hệ công chúng và truyền thông - Thực tế văn hóa và văn học dân gian - Thực tế du lịch - Thực tế báo chí – truyền thông - Tổ chức lễ hội và sự kiện - Nghiệp vụ văn hóa - Nghiệp vụ báo chí 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Thảo luận nhóm - Video, clip - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự luận - Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video. - Vấn đáp - Tiểu luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá - Rubric
ELO16: Năng lực phát triển nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh lữ hành - Thực tế văn hóa và văn học dân gian - Thực tế du lịch - Thực tế báo chí – truyền thông - Tổ chức lễ hội và sự kiện - Nghiệp vụ văn hóa - Nghiệp vụ báo chí-Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Thảo luận nhóm - Video, clip - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự luận - Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video. - Vấn đáp - Tiểu luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá - Rubric
ELO17: Năng lực Việt Nam học	<ul style="list-style-type: none"> - Nhập môn Việt Nam học - Thực tế văn hóa và văn học dân gian - Thực tế du lịch - Thực tế báo chí – truyền thông - Tổ chức lễ hội và sự kiện - Nghiệp vụ văn hóa - Nghiệp vụ báo chí - Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Thảo luận nhóm - Video, clip - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự luận - Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video. - Vấn đáp - Tiểu luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Phiếu đánh giá - Rubric

ELOs	Học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
ELO18: <i>Năng lực sử dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Việt Nam học để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Việt Nam học trong Chương trình Giáo dục đại học và Giáo dục phổ thông</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhập môn Việt Nam học - Địa lí Việt Nam - Lịch sử Việt Nam - Tiến trình văn học Việt Nam - Danh nhân Việt Nam - Việt ngữ học - Các tộc người ở VN - Gia đình – dòng họ - làng xã VN - Tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục tập quán VN 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm, - Bài tập nhóm - Bài tập lớn - Tự luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá
ELO19: <i>Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học Việt Nam học vào thực tiễn</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhập môn Việt Nam học - Địa lí Việt Nam - Lịch sử Việt Nam - Danh nhân Việt Nam - Việt ngữ học - Từ Hán Việt: lí thuyết và thực hành - Các tộc người ở VN - Gia đình – dòng họ - làng xã VN - Tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục tập quán VN 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm, - Bài tập nhóm - Bài tập lớn - Tự luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá
ELO20: <i>Năng lực nghiên cứu Việt Nam học và khoa học liên ngành</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhập môn Việt Nam học - Địa lí Việt Nam - Lịch sử Việt Nam - Danh nhân Việt Nam - Việt ngữ học - Các tộc người ở VN - Gia đình – dòng họ - làng xã VN - Tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục tập quán VN 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, vấn đáp - Dự án, - Dạy học nêu vấn đề - Hướng dẫn tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm, - Bài tập nhóm - Bài tập lớn - Tự luận - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Rubric - Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá
ELO21: <i>Năng lực sử dụng ngoại ngữ</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếng Anh 1, 2 - Tiếng Pháp 1, 2 - Tiếng Nga 1, 2 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Dạy học tình huống - Đóng vai 	<ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm - Thuyết trình - Vấn đáp, - Tự luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp án - Phiếu đánh giá

ELOs	Học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
<i>trong hoạt động chuyên môn</i>	- Tiếng Trung 1,2 - Tiếng Việt B2.1, B2.2 - Tiếng Việt du lịch - Tiếng Việt văn hóa - Tiếng Việt thương mại - Tiếng Việt pháp luật - Tiếng Việt hành chính	- Hướng dẫn trực tiếp - Video, clip - Tranh biện - Hướng dẫn tự học		- Phiếu đánh giá - Đáp án
ELO22: <i>Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn</i>	- Tin học đại cương - Lí thuyết truyền thông - Truyền thông xã hội và mạng xã hội - Thường thức phim ảnh Việt Nam - Trang phục và ẩm thực Việt Nam	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Dạy học trực tuyến - Hướng dẫn tự học	- Tự luận - Tiểu luận - Bài tập lớn - Bài tập nhóm	- Đáp án - Rubric - Rubric - Rubric

C. Hoạt động đánh giá

Các hoạt động đánh giá khác nhau của tất cả các học phần trong CTĐT đã được thực hiện từ việc đánh giá đầu vào cho đến đầu ra, bao gồm: đánh giá đầu vào; kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập (chuyên cần, thảo luận, bài tập, trắc nghiệm, thuyết trình, thực hành, thực tập, sáng kiến, ...); đánh giá kết quả đầu ra (thi kết thúc học phần, đánh giá khóa luận tốt nghiệp) với mục tiêu đảm bảo đạt chuẩn đầu ra cho người học.

Các học phần được đánh giá thường gồm có điểm chuyên cần, đánh giá thường xuyên (bài tập, thảo luận seminar, tiểu luận,...), kiểm tra giữa kì và điểm thi kết thúc học phần. Hình thức đánh giá quá trình tùy thuộc vào đặc thù môn học, được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần. Để đánh giá thường xuyên, học viên thường được làm bài kiểm tra viết, tiểu luận, bài tập lớn, thuyết trình; đối với đánh giá giữa kì, học viên thường được yêu cầu làm bài tự luận, thuyết trình, trắc nghiệm, dự án,...: bài thi cuối kì thường có hình thức là các bài thi tự luận, tiểu luận, thuyết trình, vấn đáp nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần và hướng đến tính khách quan, công bằng. Nội dung đánh giá được xây dựng phù hợp với quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của người học cả về nhận thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học.

Tất cả các quy định, quy trình và các hướng dẫn liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập đã được công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học, mỗi kỳ học và học phần. Các quy định liên quan đến kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được công bố trên Website của Nhà trường,

TTĐBCL và Khoa Việt Nam học

1. Phương pháp đánh giá

Bảng dưới đây trình bày các phương pháp đánh giá cho từng loại bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ và bài kiểm tra cuối kỳ tương ứng với các chuẩn đầu ra (ELOs) của CTĐT:

ELOs	Học phần lý thuyết			Học phần thực hành
	Bài kiểm tra thường xuyên	Bài kiểm tra giữa kỳ	Bài kiểm tra cuối kỳ	
ELO1: <i>Yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước</i>	- Bài tập tình huống - Bài tập nhóm	- Trắc nghiệm - Tự luận - Vấn đáp	- Trắc nghiệm - Bài tập nhóm - Bài tập lớn - Tự luận	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn
ELO2: <i>Yêu nghề và tự hào về nghề Việt Nam học</i>	- Bài tập tình huống - Bài tập nhóm	- Trắc nghiệm - Tự luận - Vấn đáp	- Trắc nghiệm - Bài tập nhóm - Bài tập lớn - Tự luận	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn
ELO3: <i>Trung thực và đáng tin cậy</i>	- Bài tập, - Thảo luận, seminar	- Tự luận - Tiểu luận	- Tự luận - Tiểu luận	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn
ELO4: <i>Trách nhiệm và tận tâm</i>	- Bài tập tình huống	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Trắc nghiệm - Tự luận - Tiểu luận	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn
ELO5: <i>Ý thức tự học, tự trau dồi kiến thức kỹ năng nghề nghiệp suốt đời</i>	- Bài tập lớn - Vấn đáp	- Tự luận - Tiểu luận	- Tự luận - Tiểu luận - Bài tập lớn	- Bài tập lớn
ELO6: <i>Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi</i>	- Bài tập lớn - Vấn đáp	- Tự luận - Tiểu luận	- Tự luận - Tiểu luận - Bài tập lớn	- Bài tập lớn
ELO7: <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>	- Bài tập tình huống	- Trắc nghiệm - Tự luận - Vấn đáp	- Trắc nghiệm - Tự luận - Vấn đáp	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn
ELO8: <i>Năng lực lãnh đạo</i>	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn
ELO9: <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>	- Bài tập lớn - Bài tập nhóm	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video.
ELO10: <i>Năng lực nhận thức về văn hoá - xã hội</i>	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn	- Trắc nghiệm, - Tiểu luận - Vấn đáp	- Trắc nghiệm - Tự luận - Tiểu luận	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn
ELO11: <i>Năng lực phản biện</i>	- Bài tập tình huống	- Tự luận - Vấn đáp	- Tự luận - Vấn đáp	- Bài tập nhóm

				- Bài tập lớp
ELO12: <i>Năng lực nắm bắt nhiệm vụ và chức năng nghề nghiệp</i>	- Bài tập nhóm, video	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video
ELO13: <i>Năng lực thực hiện các nhiệm vụ của nghề nghiệp</i>	- Bài tập nhóm, video	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video
ELO14: <i>Năng lực hoàn thiện sản phẩm nghề</i>	- Bài tập nhóm, video	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video
ELO15: <i>Năng lực hoạt động xã hội</i>	- Bài tập nhóm, video	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video
ELO16: <i>Năng lực phát triển nghề nghiệp</i>	- Bài tập nhóm, video	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video
ELO17: <i>Năng lực Việt Nam học</i>	- Bài tập nhóm, video	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Tự luận - Tiểu luận - Vấn đáp	- Bài tập lớn - Bài tập nhóm, video
ELO18: <i>Năng lực sử dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Việt Nam học để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Việt Nam học trong Chương trình Giáo dục đại học và Giáo dục phổ thông</i>	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn	- Trắc nghiệm - Tự luận - Vấn đáp	- Trắc nghiệm, - Tự luận - Vấn đáp	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn
ELO19: <i>Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học Việt Nam học vào thực tiễn</i>	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn	- Trắc nghiệm - Tự luận - Vấn đáp	- Trắc nghiệm, - Tự luận - Vấn đáp	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn
ELO20: <i>Năng lực nghiên cứu Việt Nam học và khoa học liên ngành</i>	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn	- Trắc nghiệm - Tự luận - Vấn đáp	- Trắc nghiệm, - Tự luận - Vấn đáp	- Bài tập nhóm - Bài tập lớn
ELO21: <i>Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn</i>	- Trắc nghiệm - Thuyết trình - Video	- Trắc nghiệm - Thuyết trình - Vấn đáp, - Tự luận	- Trắc nghiệm - Thuyết trình - Vấn đáp - Tự luận	- Bài tập - Thuyết trình - Video
ELO22: <i>Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn</i>	- Bài tập lớn - Bài tập nhóm	- Bài tập lớn - Bài tập nhóm	- Tự luận - Tiểu luận	- Bài tập lớn - Bài tập nhóm

Các phương pháp đánh giá chính:

Tiểu luận: học viên được đánh giá thông qua bài viết tiểu luận, bao gồm nội dung trình bày trong tiểu luận, cách thức trình bày, hình vẽ/ hình ảnh, bảng biểu số liệu...

Kiểm tra tự luận (viết): theo phương pháp đánh giá này, học viên được yêu

câu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hoặc đưa ra ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các nội dung của từng môn học, được đánh giá chủ yếu dựa trên kiến thức của họ.

Thuyết trình: phương pháp này áp dụng trong một số môn học trong chương trình. Học viên trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác khi được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hoặc bài tập có liên quan đến bài học. Phương pháp này cũng được sử dụng trong đánh giá khóa luận tốt nghiệp.

Bài tập: Học viên được yêu cầu làm các bài tập liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

Đánh giá dự án: đây là đánh giá có hệ thống và khách quan về một dự án đang thực hiện hoặc đã hoàn thành. Mục đích là xác định mức độ phù hợp và mức độ đạt được các mục tiêu của dự án, hiệu quả phát triển, tác động và tính bền vững. Phương pháp này được áp dụng cho học tập dựa trên dự án và được sử dụng các tiêu chuẩn đánh giá rõ ràng.

Đánh giá khóa luận: khóa luận tốt nghiệp của sinh viên năm cuối được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, và người phản biện bằng cách sử dụng các tiêu chí phù hợp trong phiếu đánh giá. Đây là cơ hội để đưa những kiến thức đã học trong chương trình áp dụng trong thực tế. Khóa luận tốt nghiệp được sử dụng để đánh giá sáng kiến của học viên và khả năng lập kế hoạch, báo cáo và trình bày một dự án của họ. Mức độ khó của khóa luận được mô tả bằng mục tiêu đạt được của chương trình và các học phần cho đến thời điểm đó.

2. Công cụ đánh giá

Tùy thuộc vào ELO và độ sâu của kiến thức, kỹ năng và thái độ. Chương trình đào tạo đã sử dụng các công cụ đánh giá thích hợp là phiếu chấm điểm và phiếu đánh giá. Các công cụ đánh giá cho từng lĩnh vực kiến thức với ELO được cung cấp trong ma trận dưới đây.

Ma trận mối quan hệ giữa ELOs và các công cụ:

ELOs	Khối học văn			
	Khối học văn chung	Khối học văn chuyên môn nghiệp vụ	Khối học văn chuyên ngành	Khóa luận tốt nghiệp
ELO1: <i>Yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá

ELOs	Khối học văn			
	Khối học văn chung	Khối học văn chuyên môn nghiệp vụ	Khối học văn chuyên ngành	Khóa luận tốt nghiệp
ELO2: <i>Yêu nghề và tự hào về nghề Việt Nam học</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO3: <i>Trung thực và đáng tin cậy</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Đáp án - Rubric	- Đáp án - Rubric	Phiếu đánh giá
ELO4: <i>Trách nhiệm và tận tâm</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO5: <i>Ý thức tự học, tự trau dồi kiến thức kỹ năng nghề nghiệp suốt đời</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO6: <i>Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Đáp án - Rubric - Phiếu đánh giá	- Đáp án - Rubric - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO7: <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO8: <i>Năng lực lãnh đạo</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO9: <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO10: <i>Năng lực nhận thức về văn hoá - xã hội</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO11: <i>Năng lực phản biện</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá

ELOs	Khối học văn			
	Khối học văn chung	Khối học văn chuyên môn nghiệp vụ	Khối học văn chuyên ngành	Khóa luận tốt nghiệp
ELO12: <i>Năng lực nắm bắt nhiệm vụ và chức năng nghề nghiệp</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO13: <i>Năng lực thực hiện các nhiệm vụ của nghề nghiệp</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO14: <i>Năng lực hoàn thiện sản phẩm nghề</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO15: <i>Năng lực hoạt động xã hội</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO16: <i>Năng lực phát triển nghề nghiệp</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO17: <i>Năng lực Việt Nam học</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO18: <i>Năng lực sử dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Việt Nam học để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Việt Nam học trong Chương trình Giáo dục đại học và Giáo dục phổ thông</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO19: <i>Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học Việt Nam học vào thực tiễn</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO20: <i>Năng lực nghiên cứu Việt Nam học và khoa học liên ngành</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá
ELO21: <i>Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá

ELOs	Khối học vấn			
	Khối học vấn chung	Khối học vấn chuyên môn nghiệp vụ	Khối học vấn chuyên ngành	Khóa luận tốt nghiệp
ELO22: <i>Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn</i>	- Rubric - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	- Rubric - Đáp án - Phiếu đánh giá	Phiếu đánh giá

Phiếu đáp án (Marking scheme): giúp đánh giá sự nỗ lực trong học tập của học viên dựa trên các tiêu chí và thang điểm được xác định. Chương trình sử dụng thang điểm 0-10 phù hợp với tiêu chí chấm điểm/câu trả lời. Sử dụng thang điểm tối thiểu từ 0,25 đến 0,5 là để tránh sự khác biệt giữa các giảng viên. Do đó, công cụ đánh giá này mang lại kết quả giống nhau và nhất quán bất kể khi nào đánh giá hoặc ai chấm điểm.

Phiếu đánh giá (Rubrics): sử dụng các số liệu phân tích để đánh giá kết quả hoạt động của học viên. Ưu điểm của công cụ đánh giá này là (1) cung cấp thông tin phản hồi hữu ích về các lĩnh vực điểm mạnh và điểm yếu của học viên; (2) tiêu chí có thể được tính theo trọng số để phản ánh tầm quan trọng tương đối của mỗi kết quả hoạt động. Tất cả các loại phiếu đánh giá được sử dụng trong CTĐT để đánh giá kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, công nghệ thông tin, thái độ chuẩn mực và trách nhiệm xã hội, Đặc biệt trong học phần khóa luận, bốn loại phiếu đánh giá được sử dụng để đánh giá học viên. Bao gồm đánh giá bản thân, nhóm đánh giá thành viên, đánh giá của giảng viên và đánh giá của doanh nghiệp.

Các phương pháp đánh giá được công bố cho học viên trong bài thuyết trình của giảng viên vào ngày học đầu tiên trên lớp. Do đó, sinh viên có thể biết các yêu cầu của tiêu chí hoạt động cho các đánh giá của học phần.

PHẦN IV: CUỘC SỐNG HỌC VIÊN**A. Hoạt động ngoại khóa**

Sinh viên ngành Việt Nam học có nhiều cơ hội để tham gia và đóng góp cho các hoạt động và sự kiện của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội nói chung, của khoa Việt Nam học nói riêng. Đây là những dịp để sinh viên được thể hiện năng lực hoạt động thực tiễn, những tài năng tiềm ẩn, được giải tỏa phần nào những căng thẳng, mệt mỏi trong quá trình học tập và được trải nghiệm thông qua các môi trường khác nhau. Có nhiều loại hoạt động ngoại khóa để sinh viên được lựa chọn như:

Tham gia các hoạt động biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao: bóng chuyền, bóng đá, kéo co, bóng bàn, cầu lông... Đây là các hoạt động thường niên được Nhà trường tổ chức vào đầu học kỳ 1 hàng năm để sinh viên được rèn luyện sức khỏe, gắn kết tập thể. Tham gia giải đấu Dance Storm thường niên cho các nhóm/ đội sinh viên theo Khoa. Hoạt động này là sự kết hợp giữa thể thao và nghệ thuật múa, một không gian mở đầy sáng tạo cho các bạn trẻ trong môi trường Đại học Sư phạm vốn đề cao tính mô phạm. Mỗi đơn vị mang một màu sắc, một cá tính khác nhau tạo nên sự đa dạng và phong phú cho cuộc thi năm nay. Mỗi phần thể hiện là một câu chuyện, một ý nghĩa riêng, là những tâm huyết và tài năng được các bạn sinh viên gửi gắm với những khoảnh khắc, những cảm xúc, những cung bậc không thể trọn vẹn hơn của tuổi trẻ, của thanh xuân. Tham gia cổ vũ cho các giải đấu thể thao sinh viên chuyên nghiệp của Thành phố Hà Nội, các giải đấu thể thao thanh niên được diễn ra tại Nhà thi đấu – Khoa Giáo dục Thể chất, được hòa mình vào không khí cổ vũ vô cùng sôi động. Hoạt động này mang tính giải trí cao, tạo thêm một không gian để sinh viên Việt Nam học được chia sẻ các cảm xúc và tạo thêm động lực tinh thần cho sinh viên trong những dịp cuối tuần tại địa điểm thi đấu có mức độ an ninh tốt. Tham gia các hoạt động văn nghệ tập thể chào mừng ngày thành lập Trường (11/10) và ngày Hiến chương các nhà giáo (20/11).

Tham gia CLB Du lịch – Văn hóa, các CLB thanh niên của Nhà trường. Các CLB là nơi gắn kết và tạo nhiều hoạt động ngoại khóa bổ ích cho sinh viên có tính chuyên môn và thực tiễn cao. Qua hoạt động của CLB không chỉ để sinh viên rèn luyện kỹ năng, phát huy khả năng trong tổ chức sự kiện, phát huy tính sáng tạo, tính tập thể mà còn mở ra nhiều cơ hội được thực hành kỹ năng nghề nghiệp trong các công việc thực tiễn dưới sự dẫn dắt của các cựu sinh viên Việt Nam học. Sinh viên được tích lũy nhiều kiến thức, kỹ năng thực tiễn sinh động.

Tham gia các hoạt động sinh viên tình nguyện chung của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Đây là những hoạt động vô cùng thiết thực để sinh viên Việt Nam học có thể chung tay cùng Nhà trường tổ chức thành công các sự kiện quan trọng cũng như phục vụ xã hội. Các hoạt động sinh viên tình nguyện được tổ chức đều đặn trong

năm học gắn với nhiều sự kiện của nhà trường, đặc biệt là các chương trình tiếp sức mùa thi, mùa hè sinh viên tình nguyện... Tham gia các hoạt động thiện nguyện do Liên Chi đoàn – Hội sinh viên khoa Việt Nam học tổ chức với chủ đề “ủ ấm đôi chân, dẫn bước em đi”. Sinh viên Việt Nam học đã chủ động trong việc tổ chức các hoạt động gây quỹ nội bộ, phối hợp với một số công ty Hàn Quốc tại Việt Nam giúp đỡ trẻ em vùng cao về quần áo, sách vở, một số công trình vệ sinh học đường... và giúp đỡ bà con địa phương.

Tham gia các hoạt động ngoại khóa, thực tế chuyên môn: đây là cơ hội để sinh viên Việt Nam học tham quan, học tập và thực hành các kỹ năng nghề nghiệp. Tham gia các cuộc thi nghiệp vụ như Thi HDV giỏi các cấp, tuần RLNV hàng năm.

Tham gia ngày hội việc làm là cơ hội để sinh viên tiếp cận với các cơ sở tuyển dụng, nắm bắt nhu cầu của nhà tuyển dụng và tự định hướng cho bản thân trong quá trình học tập, rèn luyện.

Tham gia các buổi nói chuyện chuyên đề của các chuyên gia trong lĩnh vực Lịch sử, Văn hóa, Văn học. Qua các hoạt động này, sinh viên có thêm nhiều kiến thức bổ ích khi được tiếp xúc với những câu chuyện nghề, chuyện đời sống động. Sinh viên được truyền cảm hứng và động lực để học tập, phấn đấu.

B. Cơ sở vật chất

1. Thư viện

Trường ĐHSPTHN có Trung tâm Thông tin -Thư viện với đầy đủ phòng đọc, trang thiết bị, nguồn học liệu phù hợp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho sinh viên Việt Nam học. Trung tâm Thông tin -Thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội được thành lập năm 1951. Trung tâm là một tòa nhà độc lập 4 tầng có diện tích sử dụng khoảng 5.881m² và 1.200 chỗ ngồi với đầy đủ trang thiết bị và bàn ghế chuyên dụng, phù hợp với hoạt động của thư viện. Hiện nay, đội ngũ cán bộ chuyên môn của Trung Tâm Thông tin - Thư viện gồm 26 người (22 nữ và 4 nam) với cơ cấu tổ chức gồm có ban giám đốc (02 người) và 02 tổ chuyên môn (tổ nghiệp vụ tin học, tổ phục vụ bạn đọc). Về trình độ, 73% cán bộ chuyên môn có trình độ cử nhân trở lên trong đó có 12 thạc sĩ chiếm 46,1%. Hàng năm, Trung tâm thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học do Nhà trường và các cơ quan thông tin thư viện tổ chức.

Hiện nay, Trung tâm Thông tin - Thư viện có khoảng 90 máy tính được kết nối internet và cài đặt phần mềm hoạt động chuyên dụng. Trung tâm Thông tin - Thư viện điện tử được kết nối giúp quản lý và liên thông dữ liệu để bạn đọc tìm kiếm tài liệu dễ dàng, nhanh chóng, chính xác. Bạn đọc có thể tra cứu trực tiếp qua mạng LAN hoặc internet thông qua tên miền: <http://lib.hnue.edu.vn>. Trung tâm thống kê và theo

đổi việc sử dụng tài liệu thông qua phần mềm Libol 8.0 của Công ty Công nghệ Tin học Tinh Vân (với 9 modul được sử dụng chính là: Bổ sung, Biên mục, Bạn đọc, Lưu thông, Suu tập số, OPAC, Định kì, ILL, Quản lý) hoạt động đã tiết kiệm thời gian công sức của cán bộ thư viện. Những ấn phẩm mới và những ấn phẩm được tra cứu nhiều nhất luôn được cập nhật trên phần mềm tra cứu của Trung tâm Thông tin - Thư viện. Các phòng chức năng của Trung tâm có thể dễ dàng thống kê số lượt bạn đọc và số lượt tài liệu được mượn, trả; cũng như quản lý từng tài liệu sinh viên đã mượn. Từ năm 2017 đến năm 2022, trung bình mỗi năm có khoảng 960 lượt tài liệu được mượn, trả bởi gần 5.000 lượt bạn đọc là sinh viên của Khoa Việt Nam học.

Từ 2020 đến nay, trước ảnh hưởng của dịch covid-19, Trung tâm thông tin thư viện chủ động xây dựng chương trình phát triển thư viện số qua ứng dụng mượn đọc trực tiếp trên các thiết bị di động (điện thoại, máy tính bảng) và giả lập trên laptop, máy tính để bàn. Các liên kết truy cập các cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước được Trung tâm chú trọng bằng việc đề xuất mua cơ sở dữ liệu Proquest, Thẻ Bạn đọc đặc biệt, và hướng dẫn các đường link tra cứu thông tin ở Thư viện Quốc Gia Việt Nam, Thư viện Đại học Quốc Gia, Trung tâm Học liệu Thái Nguyên,... Tổng số Tài liệu điện tử tính đến tháng 7/2022 đạt 30.625 bản. Trung tâm thông tin thư viện cung cấp quyền truy cập và sử dụng phần mềm kiểm tra đạo văn Turniti để người học tự kiểm duyệt tình trạng các báo cáo, khóa luận.

Khoa Việt Nam học có phòng tư liệu riêng tại tầng 5, kết hợp sử dụng cho nhiều hoạt động đào tạo và CLB. Hệ thống tư liệu mang tính chuyên biệt, được các cơ quan, tổ chức, cá nhân tặng cho sinh viên Việt Nam học tham khảo. Hệ thống tư liệu được mã hóa vào hệ thống tư liệu chung của Trung tâm thông tin thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

2. Phòng thực hành tin học và ngoại ngữ

Hiện tại Nhà trường có 1.500 máy tính để bàn và máy tính xách tay, trong đó có 883 máy tính ở thư viện, ở các khoa và các bộ môn nhằm phục vụ quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học, 140 máy tính ở các phòng ban và ban quản lý kí túc nhằm phục vụ công tác quản lý. Tại thư viện có 120 máy phục vụ tra cứu, học tập của bạn đọc. Nhà trường có 20 phòng máy đặt tại nhà K1 với tổng số 396 máy tính phục vụ đào tạo tập trung các môn như tiếng Anh, tin học và học trực tuyến

hiện đang quản lý 15 phòng máy thực hành với hơn 400 máy tính với đầy đủ trang thiết bị hiện đại (máy chiếu, bảng tương tác, hệ thống trợ giảng cùng nhiều các thiết bị phục vụ thực hành môn học chuyên ngành) các máy tính đều được kết nối internet tốc độ cao, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đào tạo, thực hành của các bậc học.

Phòng thực hành tin học đại cương: Hệ thống máy tính, phần mềm và các thiết bị phục vụ đào tạo các môn Tin học đại cương.

Phòng thực hành Tin học ứng dụng: Hệ thống máy tính, phần mềm phục vụ việc thực hành các ứng dụng của Tin học thuộc nhiều lĩnh vực.

Phòng thực hành Công nghệ phần mềm: Hệ thống máy tính, phần mềm, công cụ thực hành các môn học chuyên ngành Công nghệ phần mềm.

Nhà trường có 3 phòng thực hành đa phương tiện cho sinh viên sử dụng học ngoại ngữ. Ngoài ra tại các giảng đường, nhà trường có trang bị các máy cassettes để phục vụ học các chương trình ngoại ngữ cơ bản.

3. Ký túc xá và các dịch vụ tiện ích

Ký túc xá có khuôn viên với diện tích 16.400m², với 7 tòa nhà gồm: A5, A6, A8, A9, A10, A11, A12, có tổng số 526 phòng tương ứng với 2830 chỗ ở và các khu dịch vụ, bếp ăn sinh viên.

Ký túc xá với đa dạng các loại phòng như phòng cơ bản, phòng chất lượng cao, phòng khách, ... Diện tích phòng giao động từ 25 - 36m² với công trình phụ khép kín, điện nước đầy đủ, có giường tầng, quạt trần, bình nóng lạnh, wifi đối với phòng cơ bản,... đến các phòng chất lượng cao có thêm các tiện ích như điều hòa, ti vi, tủ lạnh.

Trong năm học gần đây được sự quan tâm sát sao của Lãnh đạo Nhà trường, Ký túc xá đang từng bước thay đổi phương thức quản lý, phong cách làm việc, cải tạo phòng ở, cảnh quan môi trường, trang bị thêm các tiện ích trong phòng ở phục vụ nhu cầu thiết yếu của học sinh, sinh viên nội trú.

Ngoài ra, trong khuôn viên ký túc xá còn cung cấp đầy đủ các dịch vụ thiết yếu phục vụ cho nhu cầu ăn, ở, học tập và giải trí của học sinh, sinh viên như Trạm y tế, Sân sinh hoạt chung, sân thể thao đảm bảo các hoạt động về VHVN - TDTT, sức khỏe. HSSV nội trú còn được tham gia hoạt động SVTN, hoạt động xã hội, thiện nguyện,... Hệ thống các hoạt động dịch vụ, phục vụ thiết yếu như: Siêu thị Vinmart, Căng tin, cafe, khu vực tiếp khách cho HSSV, Máy giặt tự động, Nước uống, ATM, Nhà xe, Cửa hàng photocopy. ...đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, sạch sẽ, thoáng mát, đa dạng, giá cả hợp lý là những tiện ích rất tốt cho học sinh, sinh viên nội trú.

Cùng với các tiện ích đó, Ký túc xá đang ngày càng quan tâm đến cảnh quan và vệ sinh môi trường. Quy hoạch lại hệ thống cây xanh, bổ sung nhiều hơn các thảm cỏ để sinh viên có chỗ nghỉ ngơi, thư giãn sau những giờ học căng thẳng. Việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên ký túc xá sẽ là yếu tố quan trọng để trở thành địa chỉ tin cậy để sinh viên đăng ký sống và học tập.

Để tạo điều kiện cho HSSV Nội trú có không gian chung, Ký túc xá đã bố trí cho các tầng của các tòa nhà có một khu dùng để sinh hoạt chung (SHC). Đây là nơi tiếp khách chung cho tầng ở đồng thời làm không gian giao lưu cho sinh viên của

mỗi tầng. Mọi hoạt động trong khu vực SHC phải tuân theo nội quy của khu vực sinh hoạt chung

Nhằm giúp cho HSSV Nội trú có các điều kiện tối ưu phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu khoa học và giải trí, Nhà trường đã lựa chọn đối tác có uy tín trong việc cung cấp dịch vụ Internet - wifi trang bị và cung cấp dịch vụ wifi đến từng tòa nhà và các khu vực công cộng trong khuôn viên Ký túc xá.

HSSV Nội trú có nhu cầu sử dụng internet thì mua thẻ cào sử dụng wifi do nhà cung cấp phát hành. Điểm bán thẻ wifi tại Văn phòng Ban Quản lý Ký túc xá, tầng 1, nhà A12.

Để được hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình sử dụng và các thông tin chi tiết liên quan đến mệnh giá, thời gian sử dụng,... hãy liên hệ trực tiếp đến số hotline của đơn vị cung cấp dịch vụ.

An ninh trật tự, an toàn PCCC luôn là một trong mối quan tâm hàng đầu, là tiêu chí đánh giá chất lượng và môi trường sống của HSSV nội trú mà Ban lãnh đạo Ký túc xá đặt ra trong quá trình hoạt động của KTX. Chính vì vậy, công tác này luôn được ưu tiên triển khai 24/24 trong khuôn viên KTX.

Ký túc xá tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý như: lắp đặt hệ thống kiểm soát người ra vào bằng thẻ từ và vân tay, tích hợp với hệ thống camera tầm nhiệt kiểm soát người ra vào. Ngoài ra, tại các khu vực trong khuôn viên Ký túc xá lắp đặt hệ thống camera giám sát được gửi về văn phòng thường trực.

Để đảm bảo tuyệt đối an ninh trật tự trong khuôn viên KTX, hàng ngày đều có bộ phận vệ sỹ trực an ninh ở hai cổng A8 và A12. Riêng đối với cổng A12 luôn có bảo vệ trực 24/7.

Nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối về sức khỏe cho HSSV nội trú, hàng ngày từ 18h00 đến 6h00 sẽ có cán bộ y tế trực cấp cứu nhằm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho toàn bộ HSSV nội trú tại khu vực trạm Y tế tầng 1 nhà A8.

PHẦN V: SAU TỐT NGHIỆP**A. Sau tốt nghiệp**

Hầu hết sinh viên hoàn thành chương trình đại học Việt Nam học và tốt nghiệp có khả năng đáp ứng được nhu cầu công việc ở những vị trí việc làm phù hợp, một số sinh viên sau khi tốt nghiệp có ý định tiếp tục học để có kiến thức chuyên môn cao hơn.

B. Triển vọng nghề nghiệp

Việt Nam học là ngành học có thể giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu về các lĩnh vực như ngôn ngữ, văn hoá, xã hội, con người,... Việt Nam, qua đó góp phần bảo tồn, phát triển di sản văn hoá của dân tộc. Ngành học trang bị cho người học những kỹ năng mềm ứng dụng thiết thực trong cuộc sống để hoạt động và công tác hiệu quả trong các lĩnh vực: văn hoá, xã hội, du lịch, báo chí, phát thanh - truyền hình, văn thư - lưu trữ,... và các lĩnh vực khác có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

C. Vị trí việc làm và cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm các công việc như:

- Làm việc tại các sở văn hoá - thông tin - thể thao và du lịch, thư viện, báo chí, đài phát thanh, truyền hình, viện bảo tàng, văn phòng các cơ quan, đoàn thể thuộc khối hành chính sự nghiệp ở Việt Nam và nước ngoài.

- Nghiên cứu viên tại các viện văn học, ngôn ngữ, văn hoá, trung tâm nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn Trung ương và địa phương ở Việt Nam và nước ngoài.

- Làm việc ở các cơ quan quản lý giáo dục, sở/ phòng giáo dục và đào tạo,...

- Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng; giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

- Học thêm các chứng chỉ nghề ngắn hạn để hoạt động trong các ngành gần như: Hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên tại điểm, MC các chương trình, tổ chức sự kiện về văn hoá du lịch,... làm việc tại các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực liên quan ở Việt Nam và nước ngoài.

PHẦN VI: CÁC ĐỐI TÁC CỦA KHOA

A. Vai trò của các đối tác

Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có 3 nhóm đối tác chủ yếu thuộc 3 phạm vi đào tạo và tuyển dụng việc làm.

Nhóm đối tác về đào tạo gồm các Khoa Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam tại các trường Đại học của Nhật Bản (Đại học Ngoại ngữ Osaka), Hàn Quốc (Đại học Busan), Trung Quốc (Học viện Quê Lâm, Đại học Vân Nam)... Hàng năm các đối tác đưa sinh viên sang học thực hành nâng cao Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam trong thời gian 1 năm theo chương trình đào tạo 3+1.

Nhóm đối tác hợp tác đào tạo trong nước gồm các Khoa, Trung tâm nghiên cứu thuộc các cơ quan như Học viện Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, Viện Văn học, một số khoa Du lịch

Nhóm đối tác hỗ trợ sinh viên thực tập và các nhà tuyển dụng, chủ yếu là các cơ quan nhà nước tại địa phương như Phòng Văn hóa – Thể thao quận, huyện, một số cơ quan báo chí – truyền thông và các công ty về du lịch, truyền thông. Một số đối tác đã hỗ trợ Khoa Việt Nam học trong các công việc sau:

- Đóng góp ý kiến xây dựng chương trình học
- Hoạt động nghiên cứu khoa học
- Các buổi đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm
- Hỗ trợ học bổng cho sinh viên tài năng
- Hướng dẫn sinh viên thực hành trong các tiết thực tập
- Tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp
- Tài trợ cho các cuộc thi học thuật

B. Danh sách các cơ quan, đơn vị hỗ trợ thực tập cho sinh viên Việt Nam học

1. Đối tác hỗ trợ thực tập năm học 2017-2018

- American Discovery - Tầng 5, Số 125 An Trạch, Đống Đa, Hà Nội
- Báo điện tử Thương hiệu và pháp luật, Cung Tri thức Thành phố, số 1 Tôn Thất Thuyết, Dịch Vọng hậu, Cầu Giấy, Hà Nội
- Báo điện tử Vietnamnet.vn
- Church Boutique Hotel - Số 49 Lãn Ông, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Công ty Cổ phần đầu tư giáo dục và đào tạo Quốc tế - IVINA, số 52 – ngách 125/2, ngõ 125, Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội
- Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại VINACOMIN chi nhánh Vân Long, Cẩm Phả, Quảng Ninh

- Công ty cổ phần sáng tạo Lê Minh - FLC Landmark Tower, Ngõ 05, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Công ty cổ phần truyền thông và xử lý dữ liệu Apromedia - Số 8 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
- Công ty CP du lịch Ping - Số 76 ngách 53 ngõ Văn Hương, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Công ty Du lịch Đông Dương Á Châu - 172 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Công ty Du lịch Sen Việt - Số 17 ngõ 2 Mạc Thái Tổ - Cầu Giấy - Hà Nội
- Công ty Du lịch Vietlike Travel - số 165 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
- Công ty du lịch Vip Travel - Số 2 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Công ty TNHH dịch vụ Du lịch và Thương mại Sen Việt - Thôn Hòa Trúc, xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai, Hà Nội
- Công ty TNHH DL Dịch vụ Thương mại và đầu tư LSH - Lô 310, Anh Dũng 5, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng
- Công ty TNHH Du lịch Xanh Việt Nam - Phòng 204, số 51, phố Đốc Ngữ, quận Ba Đình, Hà Nội
- Công ty TNHH thực phẩm Việt Nam – Korea (Biệt thự D29 khu đô thị The Manot, P. Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội)
- Công ty TNHH Vietlandholiday - P209, số 3 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
- Công ty Travel Sense Asia - Tầng A606, tòa M3-M4, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
- Công ty truyền thông Digisun - Cung thể thao dưới nước Mỹ Đình, Lê Đức Thọ, Từ Liêm, Hà Nội
- Công ty Việt Tourist - 12/629 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Công ty Vietsea, số 3 ngõ 59 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
- Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội, số 2 Phạm Văn Đồng, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội
- EXO Travel - 66A Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Hà Nội boutique - Số 7, ngõ Gạch, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Khách sạn InterContinental Hanoi Landmark72 - Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6 Phạm Hùng, Mỹ Trì, Cầu Giấy, Hà Nội
- Khách sạn Mường Thanh Luxury Hà Nam - TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (cầu Hồng Phú, phường Quang Trung, Tp. Phủ Lý)
- Lương Gia Travel - 96 Nguyễn Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Nhà xuất bản Đại học Sư phạm - 136 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội
- Phòng Marketing, công ty các giải pháp liên Nhật - Việt - 15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Phòng Sự Kiện - Báo Diễn Đàn Doanh Nghiệp, trực thuộc Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam VCCI - Số 9 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội

- Phòng văn hoá thông tin, UBND huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn
- Sở Nội Vụ Tỉnh Bắc Ninh - Số 9 đường Lí Thái Tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh - số 15, Lý Thái Tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh
- Trung tâm truyền thông văn hóa thành phố Uông Bí - Phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
- UBND huyện Ứng Hòa - TT Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội
- UBND phường Hàng Đào, 41 Hàng Ngang
- Vietsun Travel - 37 Cầu Lớn, Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội

2. Đối tác hỗ trợ thực tập năm học 2018-2019

- Ban Quản lý di sản văn hóa Thể thao Du Lịch tỉnh Lào Cai
- Ban quản lý di tích đền Trần - chùa Tháp, p. Lộc Vượng, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định
- Ban Quản lý di tích tỉnh Hưng Yên
- Ban Quản lý di tích tỉnh Nam Định
- Báo Điện Tử "Một thế giới", Đống Đa, Hà Nội
- Bảo tàng Lịch sử quốc gia Việt Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Công ty cổ phần phát triển dịch vụ quốc tế Iwork 232 phạm Văn Đồng, Hà Nội
- Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ du lịch Vẻ đẹp Bắc Bộ, Hoàng Mai, Hà Nội
- Công ty Digisun, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 1, Hà Nội
- Công ty Du lịch Hello Asia Travel, 130 Quán Thánh
- Công ty Du lịch Queen
- Công ty Du lịch Sen Thanh
- Công ty Du lịch Thiên Cầm, đường Phạm Văn Đồng, Hà Nội
- Công ty Giáo dục và Đào tạo kỹ năng sống
- Công ty Sakuko Việt Nam, Trung Yên plaza, Hà Nội
- Công ty sở hữu kì nghỉ Yes Vacation, Lò Đức, Hà Nội
- Công ty TNHH Việt Hùng, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- Công ty TNHH Công nghệ thông minh Nam Việt
- Công ty TNHH Đông Dương Á Châu – AIC Travel, Ba Đình, Hà Nội
- Công ty TNHH ĐTTM Phượng Hoàng Phoenix, cầu Giấy, Hà Nội
- Công ty TNHH Love Visa, số 12A, Biệt thự E - The Manor, Hà Nội
- Công ty TNHH Một thành Viên Dịch vụ Lữ hành Saigontourist – Hải Phòng
- Công ty TNHH thương mại Quốc tế Bảo Lâm, Khuất Duy Tiến Hà Nội
- Công ty tổ chức sự kiện Team building gắn kết

- Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Encore Hanoi Co.,LTD, Cầu Giấy, Hà Nội
- Khách sạn Việt Thái, tỉnh Hà Tĩnh
- Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Cầu Giấy, Hà Nội
- Louisland Hotel, 23 Nguyễn Ngọc Vũ, Hà Nội
- Nhà hàng Kichikichi Dolphin, số 6 Nguyễn Hoàng, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Nhà hàng King BBQ Nhật Bản, 214 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
- Nhà hàng số 5, 535 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
- Sở Văn Hóa và Thể thao Du Lịch tỉnh Hải Dương
- Thư viện tỉnh Ninh Bình, Lê Hồng Phong, thành phố Ninh Bình
- Ủy ban Nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
- Ủy ban Nhân dân Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
- Ủy ban Nhân dân xã Chân Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
- Ủy ban Nhân dân xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, Hà Nội
- Ủy ban Nhân dân xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, Hà Nội
- Ủy ban Nhân dân xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
- Ủy ban Nhân dân xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
- Ủy ban Nhân dân xã Ninh Nhất, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
- Ủy ban Nhân dân xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
- Ủy ban Nhân dân xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

3. Đối tác hỗ trợ thực tập năm học 2019-2020

- Báo đại biểu nhân dân số 37 Hùng Vương, quận Ba Đình, Hà Nội.
- Báo điện tử Vietnamnet.vn
- Bảo tàng Dân tộc học
- Bảo tàng Dân tộc học số 1 Nguyễn Văn Huyền, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Công ty cổ phần dịch vụ tin học EMED, Số 45, ngõ 123 Phương Canh, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Công ty cổ phần dịch vụ và thương mại văn phòng Thịnh Phát, Bội Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội.
- Công ty cổ phần dịch vụ vận tải hành khách Liên Minh số nhà 1 ngách 2, ngõ 277 Vũ Tông Phan, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Công ty cổ phần dịch vụ vận tải hành khách Liên Minh số nhà 1 ngách 2, ngõ 277 Vũ Tông Phan, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Công ty cổ phần du lịch dịch vụ Hà Nội số 274 Kim Mã, Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội.
- Công ty cổ phần du lịch quốc tế Havi, Thôn Giao Tác, xã Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội.
- Công ty cổ phần du lịch quốc tế Vin Travel, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

- Công ty cổ phần Kombo, số 262 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Công ty cổ phần TCC&Partners số 31, ngõ 31 phố Lương Ngọc Quyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội.
- Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ ALIMA, tòa nhà Viglacera Tower, số 1 Đại lộ Thăng Long, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Tân Á số 19C, ngách 68, ngõ 29 Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Tân Á số 19C, ngách 68, ngõ 29 Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Công ty cổ phần truyền thông Promedia số 22 ngách 98/12 ngõ 106 Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Công ty cổ phần truyền thông VTECH số 27 ngõ 62 Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội.
- Công ty cổ phần Vcamp Việt Nam, Tòa nhà Hòa Bình, KCN Hoàng Mai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Công ty Du lịch BestPrice số 12A ngõ Bà Triệu, phố Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Công ty Du lịch BestPrice, số 12A ngõ Bà Triệu, phố Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Công ty Du lịch Rubicon, số 27 Nguyễn Trường Tộ, Hà Nội.
- Công ty Du lịch Thăng Long, Số 525 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội.
- Công ty du lịch VHS Travel, Chung cư Nam Cường, CT3B, ngõ 234 đường Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Công ty Lily's Travel Agency số 18 Ngõ Huyện, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Công ty Lily's travel agency, số 18 Ngõ Huyện, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Công ty TNHH Đồ Gỗ Mộc An, Nguyễn Hanh, Văn Tự, Thương Tín, Hà Nội.
- Công ty TNHH Đồng Hành Á Châu, số 97 Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội.
- Công ty TNHH Tech Dottp, số 139 Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Công ty TNHH thiết bị công nghệ và đầu tư MDC số 9, ngách 1, ngõ 773 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Công ty TNHH Thời trang ATP Việt Nam, số 131 Kim Mã, phố Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.
- Công ty TNHH Thương mại Ba Miền G.R.O.U.P, Số 2, ngõ 165/12 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Sông Hương, Thôn Thanh Bích, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, Hà Nội.
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Du lịch Sông Hồng số 18 Lương Văn Can, Hà Nội.
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hùng Nguyên số 45 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuất khẩu Alimex, KĐT Xuân Phương Quốc Hội, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Công ty TNHH Thương mại và du lịch Việt Queen, Số 234 Phạm Văn Đồng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Công ty TNHH TMSX và in thêu Thành Công, Thôn An Bình, xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
- Công ty TNHH Truyền thông & Sự kiện Udika
- Công ty TNHH Truyền thông & Sự kiện Udika, Phố Thành Thái, phường Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Công ty TNHH Truyền thông Phong cách mới, Số 26A, Ngõ 31 Chợ Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
- Công ty TNHH Viện Đào tạo Đông Dương, LK02 – 02 C14 Bắc Hà, Bộ Công An, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, tỉnh Yên Bái.
- Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội số 16 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Phố Thành Thái, phường Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Phòng Văn hóa xã An Hiệp, xã An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.
- Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái
- Tạp chí Biển Việt Nam, B1 đường Phùng Chí Kiên, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Thái Sơn Travel, số 35 Phan Bội Châu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Trung tâm nghiên cứu Phát triển bền vững (CSDS) số 63 Phạm Thận Duật, Hà Nội.
- Ủy ban Nhân dân xã Đồng Lương khu 9 xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.
- Ủy ban Nhân dân xã Đồng Văn, thôn Đồng Thắng, xã Đồng Văn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.
- Ủy ban nhân dân xã Phù Lỗ, đường 2, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.
- Ủy ban Nhân dân xã Văn Lang, xã Văn Lang, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.
- Văn Miếu Quốc Tử Giám, số 58 đường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội.

4. Đối tác hỗ trợ thực tập năm học 2020-2021

- Ban quản lý di tích Quốc gia đặc biệt Chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá, Phương Cách, huyện Quốc Oai, Hà Nội
- Ban văn hoá - xã hội xã Hùng Xuyên, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
- Ban văn hoá xã hội - UBND Xã Đồng Sơn, TP. Bắc Giang
- Bảo tàng Dân tộc học
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thiên đường Du lịch
- Công ty cổ phần Du lịch Hạ Long - Ha Long Tourist JSC
- Công ty cổ phần du lịch Liên Minh Việt Nam
- Công ty cổ phần INVICO Việt Nam
- Công ty Cổ phần MEDIAMART Việt Nam
- Công ty cổ phần quốc tế BeakJo Việt Nam
- Công ty Cổ Phần Quốc Tế VIETANT
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Đại Phong
- Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ truyền thông du lịch Mặt Trời Hà Nội
- Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ truyền thông du lịch Mặt Trời Hà Nội
- Công ty cổ phần truyền thông Dominion Việt Nam
- Công ty CP tư vấn đầu tư và công nghệ Nhật Minh
- Công ty CPDL Lữ Hành Đông Nam Á
- Công ty đầu tư và du lịch Đại Việt
- Công ty du lịch quốc tế VietEco
- Công ty giải pháp truyền thông Sefa Media
- Công ty Hanoi Sun Travel
- Công ty THHH Đầu tư công nghệ và giáo dục NTC
- Công ty Thương mại bất động sản Sunshine Center
- Công ty TNHH đầu tư thương mại và du lịch Hưng Thịnh
- Công ty TNHH Du lịch Đảo Ngọc Tuần Châu (Tuan Chau Pearl Isle Tourist co., ltd)
- Công ty TNHH Du Lịch Xanh Việt Nam
- Công ty TNHH La Fée Việt Nam
- Công ty TNHH Lotusmiles Việt Nam
- Công ty TNHH Lữ Hành và dịch vụ Quốc Tế Ánh Dương
- Công ty TNHH Sức sống mới Toàn cầu (Glovi)
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ du lịch Vietbee
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ du lịch Vietmountain
- Công ty TNHH Thương Mại và Du lịch Everest Việt Nam
- Công ty TNHH thương mại và du lịch sinh thái Việt
- Công ty TNHH Thương mại và du lịch Sông Đà

- Công ty TNHH Thương Mại và Du lịch Sông Đào
- Công ty TNHH Thương mại và Truyền thông Nguyễn Quân
- Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Hapo Digital
- Công ty TNHH Tuổi Trẻ
- Công ty TNHH Văn hoá và Truyền thông AZ Việt Nam
- Công ty TNHH VIETBIZTOUR
- Công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Mai Linh
- Công ty Việt Linh travel
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
- Phòng văn hoá xã Đồng Thái, Huyện Ba Vì, Hà Nội
- Phòng văn hoá xã Khánh Lợi, h. Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
- Phòng văn hoá xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
- Phòng văn hoá xã Trục Thanh, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
- Trung tâm Tin tức VTV24 - Đài Truyền hình Việt Nam
- Trung tâm Văn hoá, Thể thao & Thông tin huyện Quốc Oai
- Trung tâm Văn hoá, Thể thao & Truyền thông huyện Thanh Chương
- Trường Đại học Sân Khấu Điện Ảnh Hà Nội

5. Đối tác hỗ trợ thực tập năm học 2021-2022

- Ban quản lý khu di tích quốc gia đặc biệt Phố Hiến, Tp. Hưng Yên, Hưng Yên
- Ban quản lý Vịnh Hạ Long, Tp. Hạ Long, Quảng Ninh
- Ban Văn hoá - UBND Phường Bưởi, Số 10 phố Võng Thị, phường Bưởi, Q. Tây Hồ, Hà Nội
- Ban Văn hoá - UBND phường Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Hà Nội
- Ban Văn hóa - UBND phường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Ban Văn hóa - UBND Thị Trấn Phú Minh, Thị Trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, Hà Nội
- Ban Văn hóa - UBND xã Đồng Tiến, Xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, Hà Nội
- Ban Văn hóa - UBND xã Đức Thượng, Xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội
- Ban Văn hóa - UBND xã Hải Nam, Xã Hải Nam, huyện Hải Hậu, Nam Định
- Ban Văn hoá - UBND xã Hoàng Đạo, Xã Hoàng Đạo, huyện Hoàng Hoá, Thanh Hoá
- Ban Văn hóa - UBND xã Nghĩa Lâm, Xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Hưng, Nam Định
- Ban Văn hoá - UBND xã Song Phượng, Xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, Hà Nội

- Ban Văn hoá - UBND xã Thắng Lợi, Xã Thắng Lợi, huyện Hạ Lang, Cao Bằng
 - Ban Văn hoá - UBND xã Thượng Mỗ, Xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng,
- Hà Nội
- Ban Văn hoá - UBND xã Trầm Lộng, Xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hoà, Hà Nội
 - Ban Văn hoá - UBND xã Trục Thanh, Xã Trục Thanh, huyện Trục Ninh, Nam
- Định
- Ban Văn hoá - UBND xã Xuân Phú, Xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, Bắc
- Giang
- Ban Văn hoá huyện Yên Mô, Huyện Yên Mô, Ninh Bình
 - Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam, Số 01 Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, Hà
- Nội
- Bảo tàng Mĩ Thuật Việt Nam, 66 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội
 - Báo Vietnamnet, Toà nhà C'Land, 156 Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Q. Đống
- Đa, Hà Nội
- Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ và du lịch Hòa Bình, Phường Mễ
- Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Công ty cổ phần Du lịch Coxi, Phường Hàng Gai, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Công ty cổ phần Quốc tế Vietant, Số 116 Nhân Hòa, phường Nhân Chính, Q.
- Thanh Xuân, Hà Nội
- Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Mỹ Á, Tp. Hạ Long, Quảng Ninh
 - Công ty cổ phần Smartmen Việt Nam, Số 2 ngõ 172 Phú Diễn, Q. Bắc Từ
- Liêm, Hà Nội
- Công ty cổ phần Thần Biển, Đường Lê Văn Lương, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
 - Công ty cổ phần Thương mại và du lịch quốc tế Dầu Việt, Phường Minh Khai,
- Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Công ty cổ phần tổ hợp truyền thông STV Multimedia, Số 9 phố Duy Tân, Q.
- Cầu Giấy, Hà Nội
- Công ty cổ phần truyền thông BLC Việt Nam, 262 Đội Cấn, Q. Ba Đình, Hà
- Nội
- Công ty du lịch huyền thoại Ngọc Châu (Legend Pearl Travel), Xã Ngọc Lũ,
- huyện Bình Lục, Hà Nam
- Công ty du lịch PYS Travel, Tầng 7, số 315 Trường Chinh, phường Khương
- Mai, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
- Công ty du lịch Thành Sen, Phường Nguyễn Du, Tp. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh
 - Công ty du lịch Việt Nam – Opentour, Trần Vỹ, phường Mai Dịch, Q. Cầu
- Giấy, Hà Nội
- Công ty du lịch Vieteco Tourist, Số 1 Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt,
- Q. Đống Đa, Hà Nội,
- Công ty du lịch Vietnam Open Tour, 9 Hàng Hương, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Công ty Mường Thanh Thanh Hóa, Tp. Thanh Hóa, Thanh Hoá
- Công ty TNHH Du lịch Hội Á Châu, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Công ty TNHH ODEX Việt Nam, Huyện Đan Phượng, Hà Nội
- Công ty TNHH PTTM và DL Phượng Hoàng, Số 73 đường Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội
- Công ty TNHH sản xuất và dịch vụ Lê Gia Phát, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Công ty TNHH Suntour Việt Nam, Số 4 ngõ 389 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
- Công ty TNHH TM & DL Hoà Bình, Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng
- Công ty TNHH Truyền thông và sự kiện UDIKA, P706, Tòa N06-B1 KĐT Dịch Vọng, Thành Thái, Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
- Công ty TNHH Vietbiztour, Tây Hà Tower, số 19 Tô Hữu, phường Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Công ty Truyền thông Quang Hải, Chung cư Báo CAND, số 23 Nghiêm Xuân Yêm, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội
- Học viện Giáo dục Thể thao Hoa Kỳ ASA, Văn Cao, Q. Ba Đình, Hà Nội
- Phòng giao dịch ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu, Số 93a+93b Trường Lâm, phường Đức Giang, Q. Long Biên, Hà Nội
- Phòng Văn hoá - Thông tin huyện Bình Giang, Huyện Bình Giang, Hải Dương
- Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Hà Nội
- Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Lộc Hà, Huyện Lộc Hà, Hà Tĩnh
- Phòng Văn hóa - Thông tin quận Hồng Bàng, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tỉnh Thanh Hóa, 101 Nguyễn Trãi, phường Ba Đình, Tp. Thanh Hóa, Thanh Hoá
- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Tỉnh Vĩnh Phúc, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
- Trung tâm Giao lưu văn hóa Phố cổ Hà Nội, Hàng Buồm, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch Quảng Ninh, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
- Trung tâm Văn hoá, Thể thao thành phố Từ Sơn, Thành phố Từ Sơn, Bắc Ninh
- Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Du lịch huyện Vị Xuyên, Thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, Hà Giang
- Trung tâm Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Truyền thông huyện Cẩm Khê, Huyện Cẩm Khê, Phú Thọ
- Trung tâm Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Truyền thông huyện Hạ Hòa, Xã Xuân Áng, huyện Hạ Hòa, Phú Thọ

- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và TDTT huyện Vĩnh Linh, Huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị
- Trung tâm Văn hoá, Thông tin và Thể thao Huyện Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Hà Nội
- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Tân Yên, TT. Cao Thượng, huyện Tân Yên, Bắc Giang
- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao Thanh Trì, Huyện Thanh Trì, Hà Nội
- Viện nghiên cứu di sản văn hóa, B4-BT2 KĐT Mỹ Đình II, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Viện truyền thông và phát triển nhân lực, Nguyễn Phong Sắc, phường Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

PHẦN VII: NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**A. Học phí**

Học phí đóng theo học kỳ (căn cứ vào số học phần đăng ký mỗi học kỳ). Học phí của học viên theo học chương trình đại học Việt Nam học tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội có thể thay đổi hàng năm.

Khóa tuyển sinh	Mức thu học phí 2017 – 2022		
	Mức học phí/tháng	Mức học phí/tín chỉ	Mức học phí/năm (10tháng)
Năm học 2017-2018	740,000	230,000	7,400,000
Năm học 2018-2019	810,000	250,000	8,100,000
Năm học 2019-2020	890,000	270,000	8,900,000
Năm học 2020-2021	980,000	300,000	9,800,000
Năm học 2021-2022	980,000	280,000	9,800,000

Chi tiết tham khảo <https://hnue.edu.vn/tracuu/p/Quy-dinh-ve-viec-quy-dinh-muc-thu-hoc-phi-cac-bac-dao-tao-he-chinh-quy-nam-hoc-2020-2021>

B. Học bổng**1. Đối tượng được cấp học bổng:**

Sinh viên có kết quả học tập rèn luyện từ loại khá trở lên; không bị kỉ luật từ mức khiển trách trở lên tổng học kì xét học bổng thì được xét cấp học bổng khuyến khích học tập của trường theo các mức sau:

- Mức học bổng loại khá: có điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện đạt loại khá trở lên
- Mức học bổng loại khá: có điểm trung bình chung học tập đạt loại giỏi trở lên và điểm rèn luyện đạt loại tốt trở lên.
- Mức học bổng loại xuất sắc: có điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện đạt loại xuất sắc.

Bảng tiêu chuẩn nhận học bổng

	Điểm học tập	Khá	Giỏi	Xuất sắc
Điểm rèn luyện				
Khá		Khá	Khá	Khá

Tốt	Khá	Giỏi	Giỏi
Xuất sắc	Khá	Giỏi	Xuất sắc

Điểm trung bình chung học tập được xác định theo quy định hiện hành của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy. Kết quả rèn luyện được xác định theo quy định của Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện hiện hành do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành.

Sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, sinh viên diện trợ cấp xã hội và sinh viên diện chính sách ưu đãi theo quy định hiện hành, nếu đạt kết của học tập, rèn luyện đáp ứng các tiêu chuẩn tại quy định này thì được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập nhưng những sinh viên khác.

2. Mức học bổng:

Khóa tuyển sinh	Mức học bổng 2017 – 2022		
	Loại khá	Loại giỏi	Loại xuất sắc
Năm học 2017-2018	740,000	890,000	1,100,000
Năm học 2018-2019	810,000	970,000	1,200,000
Năm học 2019-2020	890,000	1,070,000	1,340,000
Năm học 2020-2021	980,000	1,180,000	1,470,000
Năm học 2021-2022	1,200,000	1,450,00	1,800,000

Học bổng khuyến khích học tập được cấp theo từng học kì và mỗi học kì tính 5 tháng

Chi tiết tham khảo:

<http://docs.hnue.edu.vn/Vanbanden.aspx>

C. Thông tin liên lạc

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội – Khoa Việt Nam học

Địa chỉ: Tầng 1, nhà D3, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 02437549039

Websites:

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

<http://hnue.edu.vn/>

Khoa Việt Nam học

<http://vns.hnue.edu.vn/>

Trung tâm thư viện	http://lib.hnue.edu.vn
Phòng đào tạo	http://daotao.hnue.edu.vn/
Ban quản lý ký túc xá	http://kytucxa.hnue.edu.vn
Phòng tài chính – kế hoạch	http://khtc.hnue.edu.vn

D. Danh sách giảng viên giảng dạy ngành Việt Nam học

1. GS. TS. Lê Huy Bắc

ĐT: 0913513112

Email: baclh@hnue.edu.vn

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Văn hóa - văn học
- Hậu hiện đại
- Phê bình sinh thái

2. TS. Nguyễn Thị Thu Hoài

ĐT: 0912598119

Email: thuhoai.nguyen@hnue.edu.vn

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Văn hoá học
- Nhân học văn hoá
- Văn hoá các tộc người Việt Nam
- Văn hoá và phát triển
- Nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học theo hướng tiếp cận liên ngành

3. TS. Phạm Thị Hà

ĐT: 0936501881

Email: hapt@hnue.edu.vn

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Việt ngữ học
- Ngôn ngữ - văn hóa
- Ngôn ngữ học xã hội
- Phương pháp giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ

4. PGS.TS. Lê Quang Hưng

ĐT: 0912326689

Email: lequanghungvnh@gmail.com

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Tiến trình văn học viết VN
 - Những vấn đề văn học Việt Nam đương đại
 - Mối quan hệ giữa văn học và văn hóa
- Giảng dạy Ngữ Văn trong nhà trường phổ thông

5. PGS.TS. Phạm Quốc Sử

ĐT: 0913571617**Email:** quocsu@hnue.edu.vn**Lĩnh vực nghiên cứu:**

Việt Nam học lịch sử văn hóa.

6. PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

ĐT: 0936121816**Email:** hanhntm@hnue.edu.vn**Lĩnh vực nghiên cứu:**

- Ngoại giao Việt Nam
- Ngoại giao văn hóa Việt Nam

7. TS. Trần Thị Hồng Nhung

ĐT: 0912795953**Email:** nhung.tth@hnue.edu.vn**Lĩnh vực nghiên cứu:**

- Sinh kế và phát triển sinh kế bền vững
- Nghèo và giảm nghèo - Kinh tế biển và quản lý tài nguyên ven biển
- Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
- Tổ chức lãnh thổ du lịch
- Văn hóa các tộc người thiểu số
- Kinh tế du lịch

8. TS. Đỗ Phương Thảo

ĐT: 0983080194**Email:** phuongthaovnh@gmail.com**Lĩnh vực nghiên cứu:**

- Phương pháp dạy học tiếng Việt,
- Ngôn ngữ học
- Ngôn ngữ và văn hoá...

9. TS. Phạm Thị Mai Hương

ĐT: 0904666419**Email:** maihuongqb1983@gmail.com**Lĩnh vực nghiên cứu:**

- Ngôn ngữ học ứng dụng
- Ngôn ngữ báo chí, Phương ngữ học

10. TS. Đặng Thị Bích Hồng

ĐT: 0916171286**Email:** dangbichhonghvu@gmail.com**Lĩnh vực nghiên cứu:**

- Văn học so sánh, văn học phản trình thám

- Văn học Phú Thọ

11. TS. Trần Văn Kiên

ĐT: 0869243963

Email: kientv@hnue.edu.vn/
trankienedu@gmail.com

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Khu vực học, Việt Nam học
- Lịch sử đô thị - cảng ở Việt Nam thế kỷ XIX - thế kỷ XXI
- Lịch sử biển đảo, chủ quyền Biển Đông của Việt Nam
- Xuất bản báo chí ở Việt Nam và Đông Dương thế kỷ XIX - thế kỷ XX
- Những khía cạnh lịch sử trong Giáo dục học

12. TS. Nguyễn Thuỳ Linh

ĐT: 0904820108

Email: thuylinh7987@gmail.com

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Văn hoá dân gian, văn hoá đương đại
 - Lễ hội truyền thống
 - Dân tộc học...
- Việt Nam học

13. TS. Hoàng Thị Hiền Lê

ĐT: 0982270487

Email: le87tghd@gmail.com

Lĩnh vực nghiên cứu: - Văn học Việt Nam,

- Văn học - văn hoá dân gian
- Báo chí - truyền thông, nghiên cứu
- Giảng dạy Việt Nam học theo hướng tiếp cận liên ngành

14. TS. Phạm Thị Thuý

ĐT: 0983603012

Email: phamthuyvnh@gmail.com

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Lịch sử
- Lịch sử văn minh,
- Văn hoá Việt Nam
- Đô thị Việt Nam

15. TS. Hà Đăng Việt

ĐT: 0989131319 **Email:** Viethd@hnue.edu.vn

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Ngữ văn Hán Nôm
- Văn hoá

16. *ThS. Cao Hoàng Hà*

ĐT: 0904833289 **Email:** hach@hnue.edu.vn

Lĩnh vực nghiên cứu: - Địa lí học

- Du lịch học.

17. *ThS. Trần Đăng Hiếu*

ĐT: 0903298729

Email: hieutd@hnue.edu.vn

Lĩnh vực nghiên cứu:

- Kinh tế du lịch

- Văn hóa du lịch

- Phát triển du lịch bền vững...

PHẦN VIII: PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CTĐT

Bản mô tả CTĐT đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2022

Trưởng Khoa



GS. TS. Lê Huy Bắc